CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN, o=VN I=TPHCM e=TRUONGDT4@VIETTEL.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2022-03-23 13:22+07:00

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, P.10, Q.5, TP.HCM

Điện thoại: 028 38 546 110

Website: http://www.saigonbus.com.vn

PHẦN I –
GIỚI THIỆU CÔNG TY

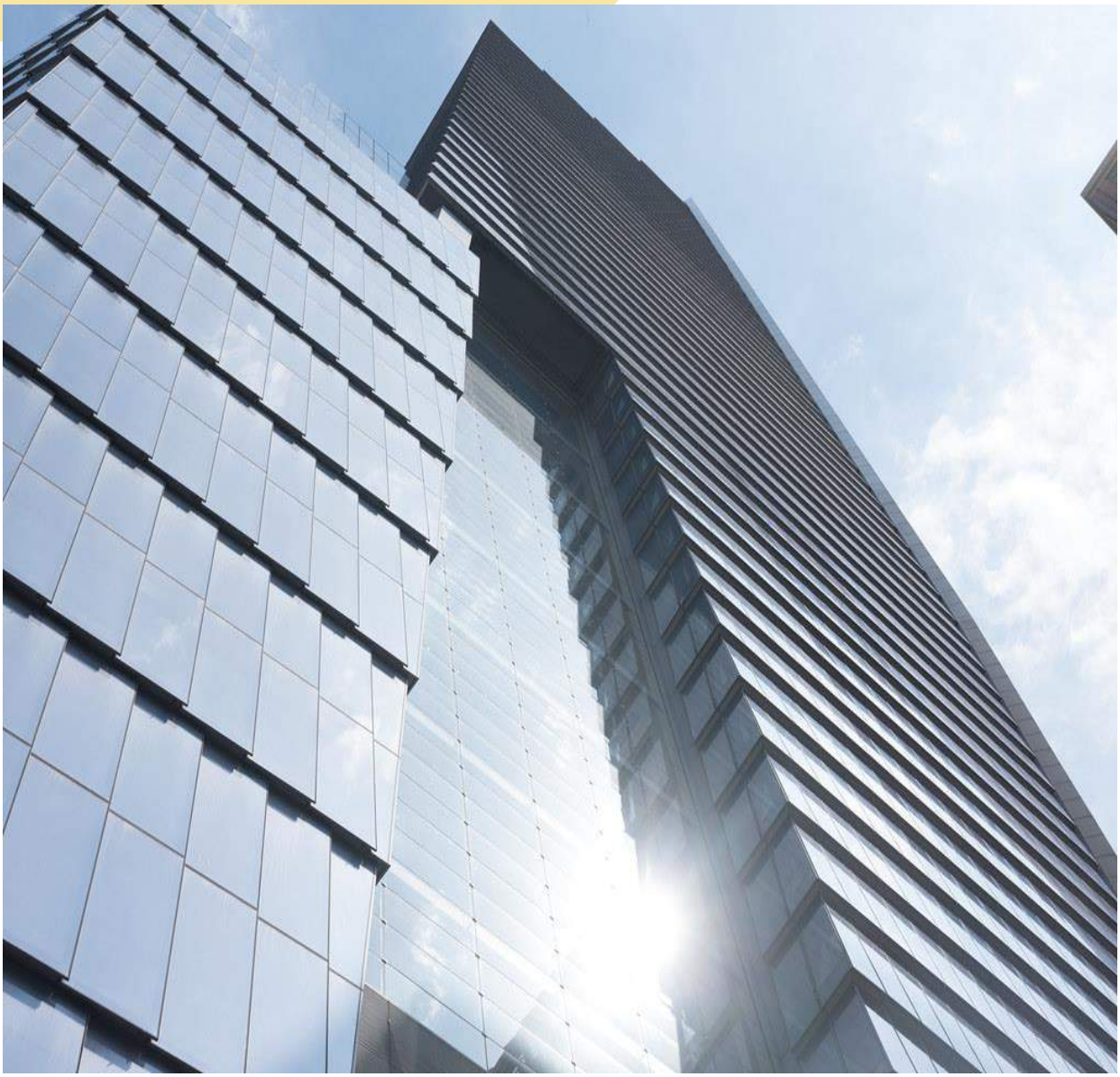

- Thông tin chung
- Quá trình hình thành và phát triển
- Thông tin cổ phần, cổ đông
- Sơ đồ tổ chức

THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty bằng tiếng Việt	**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**
Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài	Saigon Passenger Transport Joint Stock Company
Trụ sở chính	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	028 38 546 110
Giấy CNĐKDN số	**0300478044** do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/04/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020.
Vốn điều lệ	600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)
Website	http://www.saigonbus.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

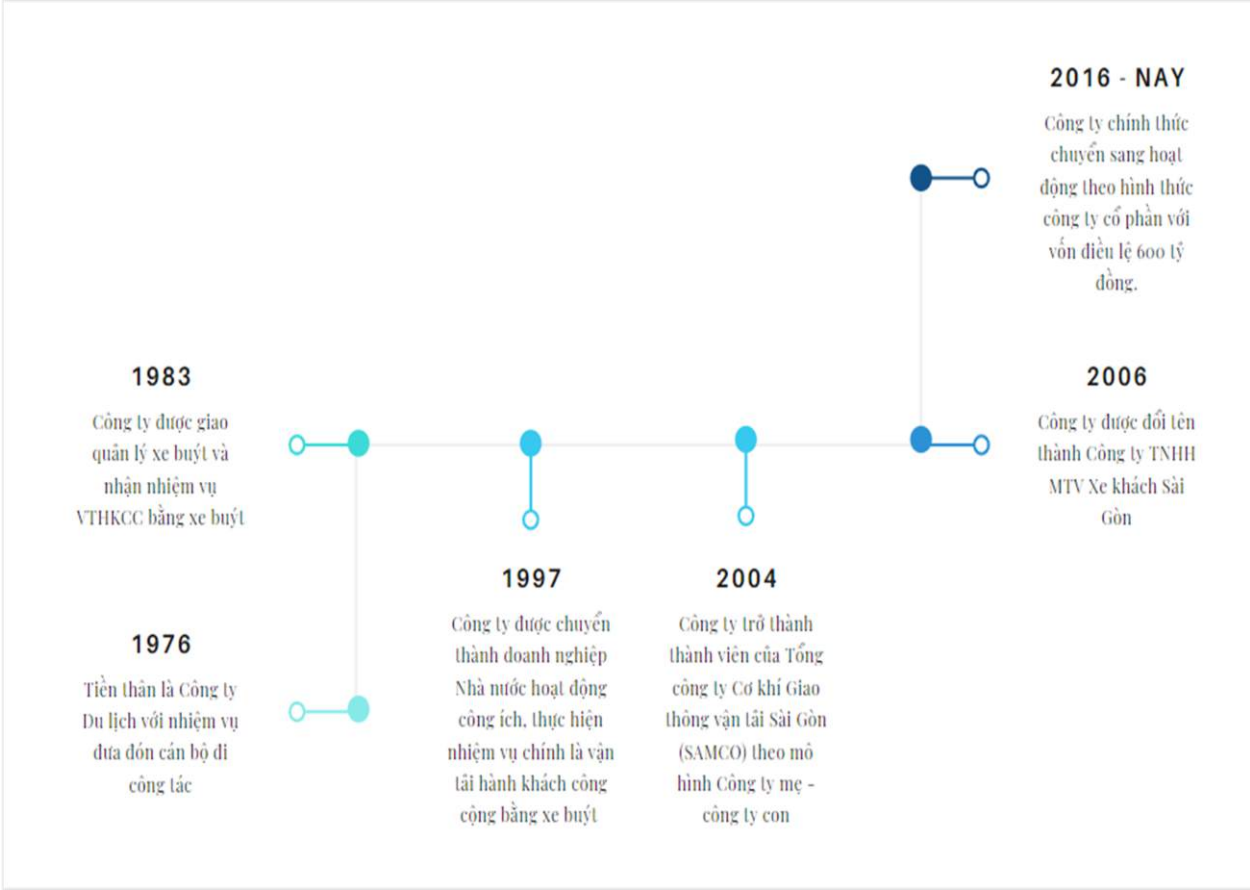

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty có địa bàn kinh doanh chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Một số ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- **Dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng ô tô;**
- **Dịch vụ đưa rước cán bộ công nhân viên, học sinh – sinh viên;**
- **Dịch vụ vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;**
- **Dịch vụ liên vận quốc tế Việt Nam – Campuchia;**
- **Đại lý kinh doanh nhiên liệu;**
- **Đào tạo lái xe;**
- **Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng xe;**
- **Các dịch vụ khác**

THÔNG TIN CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Năm 2016: Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch chứng khoán. Cổ phiếu BSG chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM vào ngày 21/12/2016.

Mã chứng khoán: **BSG**

Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2021):

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông nhà nước, cổ đông lớn (≥ 5%):		
- Cổ đông Nhà nước	29.400.000	49,00%
- Cổ đông lớn	27.927.400	46,55%
Cổ đông khác (<5%)	2.672.600	4,45%
Cổ đông nước ngoài	0	0,00%
Cổ phiếu quỹ	0	0,00%
Tổng cộng	**60.000.000**	**100,00%**

Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV	29.400.000	49,00%
Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	14.427.400	24,05%
Phạm Anh Hưng	9.000.000	15,00%
Nguyễn Văn Thành	4.500.000	7,50%

Trong năm Công ty không có thay đổi về vốn đầu tư chủ sở cũng như các giao dịch cổ phiếu quỹ.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

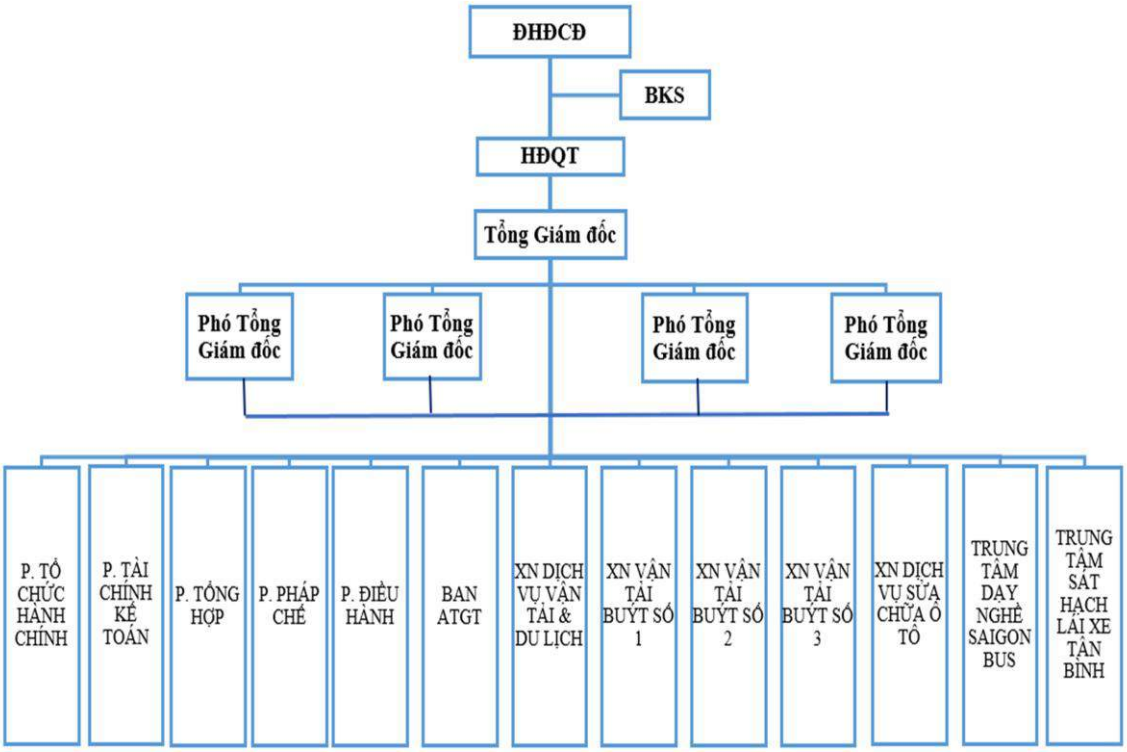

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty;
- Ban kiểm soát (BKS): 03 người, gồm: 01 Trưởng BKS và 02 kiểm soát viên
- Hội đồng quản trị (HĐQT): 07 người, gồm: 01 Chủ tịch HĐQT và 06 thành viên HĐQT;
- Ban điều hành: 06 người, gồm 01 Tổng Giám đốc, 04 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng;
- Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1 Bà Lê Thị Mỹ Hạnh
Chủ tịch HĐQT (được bổ nhiệm từ ngày 29/6/2021)

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 2010- 2013: Phó Giám đốc Đầu tư Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV ("Tổng Công ty Samco"); Thư ký HĐTV Tổng Công ty Samco
- 2013 - 2016: Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty Samco; Thành viên HĐTV Công ty TNHH Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho; Thành viên HĐTV Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé
- 2016 - 2018: Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty Samco; Thành viên HĐTV Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây
- 2018 - 2020: Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty Samco; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây
- 2020- 06/2021: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Tổng Công ty Samco; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây
- 06/2021 - nay: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Tổng Công ty Samco; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

2 Ông Kiều Nam Thành
Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/6/2021)

- Năm sinh:1974
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân chính trị học.
- Quá trình công tác:
- 10/2011 - 07/2017: Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây.
- 07/2017 - 10/2019: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông.
- 10/2019 - nay: Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên - Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV.
- 06/2020 - 06/2021: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

3 Ông Phạm Hoàng Hiệp
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1978
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 09/2004 – 01/2020: Phó Giám đốc tài chính Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV
- 01/2010 – 03/2020: Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV.
- 04/2020 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

4 Ông Trần Ngọc Dân
Thành viên HĐQT không điều hành

- Năm sinh: 1953
- Trình độ chuyên môn:Cử nhân
- Quá trình công tác:
- 1981 -1988: Phó Giám đốc Công ty Vật tư Khoa học Kỹ thuật TP.HCM.
- 1989 – 1990: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Khu vực II (Petrolimex).
- 1991 – 1992: Phó Giám đốc Công ty Mexco Bộ Công nghiệp Nhẹ.
- 1993 – 1999: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Lâm Long.
- 2000 – 2012: Tổng Giám đốc Công ty City Ford.
- 2000 – 2012: Chủ tịch HĐQT Công ty City Ford.
- 2006 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cửa Lò Golf Resort.
- 2012 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Tân Thành Đô.
- 08/2016 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

5 Ông Nguyễn Tuấn Việt
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1964
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 1986 – 1996: Cán bộ Kỹ thuật – Xưởng sửa chữa ô tô số 2 Công ty Xe Du lịch TP.HCM.
- 1996 – 1998: Phó Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn.
- 1998 – 2005: Trưởng Phòng Kỹ thuật Vật tư Công ty Xe khách Sài Gòn.
- 2005 – 2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.
- 2016 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

6 Ông Nguyễn Hồ Minh
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1967
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh
- Quá trình công tác:
- 12/1997 – 11/2003: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Điều hành Công ty Xe khách Sài Gòn.
- 12/2003 – 05/2004: Phó Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn.
- 06/2004 – 12/2004: Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Xe khách Sài Gòn.
- 01/2005 – 05/2009: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.
- 06/2009 – 01/2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn kiêm nhiệm Giám đốc Công ty TNHH Vận tải TP.HCM.
- 01/2011 – 08/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.
- 02/2014 – 07/2016: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn.
- 08/2016 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

7

Ông Trần Lâm
Thành viên HĐQT không điều hành

- Năm sinh: 1983
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
- 2007 – 2010: Giám đốc bán hàng Đại lý City Ford - Tập đoàn Tân Thành Đô.
- 2009 – 2010: Tổng Giám đốc Đại lý Ford, Ford Phú Mỹ - Phát triển kinh doanh - Tập đoàn Tân Thành Đô.
- 2010 – 2013: Tổng Giám đốc Land Rover Việt Nam.
- 2013 – nay: Phó Tổng Giám Đốc tập đoàn Tân Thành Đô.
- 2015 - nay: Tổng Giám đốc Volkswagen Việt Nam.
- 08/2016 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

8

Ông Bùi Đức Thọ
Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 29/6/2021)

- Năm sinh:1978
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:
- 2003 – 2006: Chuyên viên tư vấn – Công ty Quản trị Tiên Phong.
- 2006 – 2008: Trưởng VP đại diện Hà Nội – Công ty CP Chứng khoán Đại Việt.
- 2010 – 2012: Phó giám đốc chi nhánh TP.HCM – Công ty CP Chứng khoán An Phát.
- 2014 – nay: Giám đốc đầu tư – Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô.
- 04/2018 - 06/2021: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.
- 05/2021 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách SàiGo2n

9

Ông Trần Long
Thành viên HĐQT không điều hành (được bổ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 29/6/2021)

- Năm sinh: 1989
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
- 05/2015 – 01/2016: Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Ô tô UK
- 02/2016 – 08/2016: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Ô tô Modena
- 09/2016 – 11/2018: Giám đốc Công ty cổ phần ô tô Tân Thành Đô
- Từ 2018 - nay: Giám đốc Công ty TNHH Itaco
- Từ 06/2021 - nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

1 Ông Nguyễn Quốc Soạn
Trưởng BKS

- Năm sinh: 1957
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
- 03/1978 – 12/1979: Tốt nghiệp Trung học Tài chính được Bộ Tài chính phân công vào TP. Hồ Chí Minh làm công tác đổi tiền tại Phường 8, Quận 5, TP.HCM; Hết đợt đổi tiền sau đó tiếp tục làm công tác cải tiến thương nghiệp vật tư thuộc Đoàn cải tiến của Bộ Tài chính.
- 1980 – 1986: Công tác tại Vụ thuế công thương nghiệp thuộc Bộ Tài chính.
- 1987 –1990: Công tác tại Cục thuế công thương nghiệp thuộc Bộ Tài chính.
- 1990 – 1996: Công tác tại Tổng cục Thuế tại các tỉnh phía nam thuộc Bộ Tài Chính.
- 1997 – 12/2017: Công tác tại Tổng cục Thuế tại các tỉnh phía nam, giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra Tổng cục Thuế.
- 01/2018 – 03/2018: Công tác tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô.
- 09/04/2018 – nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn.

2 Bà Đoàn Thị Thanh Nga
Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ ngày 29/6/2021)

- Năm sinh:1982
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân Luật.
- Quá trình công tác:
- 09/2012 – 01/2013: Trưởng bộ phận tài chính - Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV.
- 02/2013 – 03/2014: Trưởng phòng Tài chính kế toán - Xí nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ ô tô thuộc Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV.
- 04/2011 – 12/2014: Phụ trách kiểm soát viên - Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.
- 04/2014 – 04/2020: Kiểm soát viên chuyên trách - Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV.
- 06/2020 - 06/2021: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

3 Bà Trần Thị Kim Hòa
Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ ngày 29/6/2021)

- Năm sinh: 1990
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.
- Quá trình công tác:
- 2013 – 08/2016: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn.
- 8/2016 – 06/2021: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

4 Bà Trần Thị Ngọc Dung
Thành viên BKS (được bổ nhiệm từ ngày 29/6/2021)

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn:Cử nhân Kế toán Kiểm toán
- Quá trình công tác:
- 2013 - 2014: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Xí nghiệp Dịch vụ Ô tô Isuzu An Lạc
- 2014 - 2016: Trưởng bộ phận Tài chính - Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV
- 2015 - 2020: Kiểm soát viên Công ty cổ phần Công trình giao thông Quận 8
- 2016 - 2018: Kiểm soát viên Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây
- 2016 - nay: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành
- 06/2021 - nay: Kiểm soát viên Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

5 Bà Vũ Thị Hồng Cẩm
Thành viên BKS (được bổ nhiệm từ ngày 29/6/2021)

- Năm sinh: 1984
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quy hoạch và quản lý Giao thông Đô thị
- Quá trình công tác:
- 2007 - 08/2016: nhân viên Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn
- 08/2016 - 06/2020: nhân viên Phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn
- 06/2020 - 06/2021: nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn
- 06/2021 - nay: Kiểm soát viên Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

1 Ông Phạm Hoàng Hiệp
Tổng Giám đốc

- Xem tại phần Giới thiệu Hội đồng quản trị

2 Ông Nguyễn Tuấn Việt
Phó Tổng Giám đốc

- Xem tại phần Giới thiệu Hội đồng quản trị

3 Ông Nguyễn Hồ Minh
Phó Tổng Giám đốc

- Xem tại phần Giới thiệu Hội đồng quản trị

4 Ông Nim Vuồn Phu
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1966
- Trình độ chuyên môn:Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
- 1990 – 1992: Cán bộ Kiểm sát Chung, Kiểm sát Thi hành án - Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Tây Ninh.
- 03/1992 – 08/1992: Cán bộ tín dụng Ngân hàng VCSB.
- 1992 – 1997: Cán bộ Kế toán Công ty May mặc VIECO - HIKOSEN.
- 1997 – 2004: Trưởng Phòng Kế toán nội bộ, Trưởng Phòng Xúc tiến Thương mại Công ty NESTLE Việt Nam.
- 2004 – 2007: Giám đốc bán hàng kênh siêu thị Công ty FONTERRA Việt Nam.
- 2007 – 2010: Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty tài chính Việt SOCIETE GENERAL.
- 2010 – 2013: Giám đốc tài chính kinh doanh Công ty Cổ phần NIMG.
- 2013 – 2014: Trưởng Phòng Đầu tư -Tín dụng & Hợp tác Quốc tế Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu.
- 2014 - 2019: Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô.
- 19/8/2016 - 09/4/2018: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Xe khách Sài Gòn.
- 01/8/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

5 Ông Bùi Đức Thọ
Phó Tổng Giám đốc

- Xem tại phần Giới thiệu Hội đồng quản trị.

6 Bà Đoàn Thị Giao Thuyết
Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1989
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
- 10/2010-14/09/2016: Nhân viên Kế toán tại phòng Kế toán XN Ô Tô Toyota Bến Thành.
- 15/09/2016 - 30/06/2020: Chuyên viên kế toán phòng Tài chính-Kế toán Tổng công ty Cơ Khí GTVT Sài Gòn – TNHH MTV; Thành viên BKS Công ty CP Bến xe Miền Tây; Thành viên BKS Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn; Trưởng Bộ phận Tài chính Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn-TNHH MTV.
- 01/07/2020 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xe khách Sài Gòn.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu tổng quát

Phát triển Công ty ổn định, không ngừng nâng cao đời sống người lao động, giữ vững vai trò đơn vị chủ lực của Thành phố trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng.

Tiên phong trong việc tổ chức lại mô hình, phương thức quản lý điều hành, áp dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút càng nhiều người dân thành phố sử dụng phương tiện vận tải công cộng.

Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ hỗ trợ và đầu tư xây dựng các bãi đậu xe đa năng theo chủ trương của UBND TP.HCM giao.

Tầm nhìn:
Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng.

Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:
Ưu tiên phát triển, hoàn thiện và cải tiến, áp dụng công nghệ mới nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường từ khói xe, Công ty đã đầu tư phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch CNG thay thế cho nhiên liệu dầu giúp giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường.
Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra, giám sát tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường.

Sứ mệnh:
Phục vụ khách hàng, đảm bảo tiêu chí an toàn, đúng giờ, thân thiện và sang trọng.

Phương châm:
"CHUYÊN NGHIỆP – VĂN MINH"

Các hoạt động hỗ trợ phòng, chống COVID-19: Với vai trò, trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội, SaigonBus luôn tích cực đồng hành cùng Chính phủ và Thành phố trong công tác phòng, chống dịch COVID-19. Cụ thể: Công ty đã điều động 30 phương tiện vào Bộ Tư Lệnh Thành phố để phối hợp vận chuyển người bệnh COVID-19 đến khu cách ly và từ khu cách ly về nơi cư trú. Công ty đã thực hiện vận chuyển 3.334 chuyến, 66.606 hành khách.

VỊ THẾ CẠNH TRANH

SaigonBus là một trong những đơn vị khai thác dịch vụ vận tải lâu đời, có uy tín tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như trong cả nước, nhất là về dịch vụ vận tải hành khách công cộng, đưa rước công nhân, liên vận quốc tế và du lịch lữ hành; là đơn vị đi đầu trong việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý, điều hành, khai thác dịch vụ vận tải hành khách.

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiếp tục cung cấp các sản phẩm, dịch vụ vốn là thế mạnh của Công ty, không ngừng cải tiến, phát triển hai mảng kinh doanh chính là (1) Hoạt động vận tải công ích và (2) Hoạt động kinh doanh dịch vụ

Hoạt động vận tải công ích	• Bao gồm dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt: Công ty được đánh giá là một trong những đơn vị chủ lực của Thành phố Hồ Chí Minh
Hoạt động kinh doanh dịch vụ	• Bao gồm đưa rước công nhân viên, thuê xe hợp đồng, du lịch lữ hành, đào tạo và sát hạch lái xe, sửa chữa và bảo dưỡng xe...Đối với mảng kinh doanh dịch vụ này, Công ty đã xây dựng được uy tín, thị phần và thương hiệu. Trong số đó phải kể đến thương hiệu du lịch Sapaco đối với mảng hoạt động liên vận quốc tế Việt Nam - Campuchia

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2021, làn sóng COVID-19 lần thứ 4 khiến nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, các chỉ số chính của nền kinh tế đều sụt giảm, sức mua của người dân giảm mạnh, đời sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng do giãn cách xã hội, người dân hạn chế sử dụng phương tiện công cộng do tâm lý còn e ngại dịch bệnh. Công ty vẫn luôn theo dõi chặt chẽ tình hình kinh tế, dự báo nhu cầu đi lại của người dân sau dịch bệnh, từ đó đưa ra các biện pháp phù hợp với từng thời điểm, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đi lại thiết yếu của khách hàng và đạt được lợi ích cho Công ty trong thời kỳ "Bình thường mới".

RỦI RO YẾU TỐ ĐẦU VÀO

Xăng dầu là nguồn nhiên liệu chính của Công ty cho việc vận hành, vận tải hành khách. Năm 2021, thế giới tiếp tục đối mặt với tình hình dịch bệnh Covid-19, khiến cho hoạt động kinh doanh của Công ty có sự ảnh hưởng nhất định do quy định về giãn cách xã hội. Bên cạnh đó trong giá vốn hàng bán, chi phí nhân công chiếm tỷ lệ rất cao.

RỦI RO CẠNH TRANH

Hiện nay, dù là Công ty hoạt động lâu năm trên địa bàn nhưng ngoài ảnh hưởng dịch bệnh, Công ty vẫn phải đối với mặt với các dịch vụ thay thế tiện lợi hơn so với việc di chuyển bằng xe công cộng như: xe công nghệ, xe taxi, đã thu hút lượng lớn người tiêu dùng cùng với những khuyến mãi, quảng cáo, cạnh tranh trực tiếp đến giá cả dịch vụ xe công cộng. Ngoài ra còn có các doanh nghiệp tổ chức dịch vụ xe buýt khác như là của Hợp tác xã, gây áp lực cho SaigonBus. Công ty phải luôn đề ra kế hoạch và tầm nhìn cho tương lai: đặc biệt là phát triển ngành kinh doanh cốt lõi của Công ty để nâng cao doanh thu, lên kế hoạch cho việc nâng cấp xe, vật chất trong xe nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các tuyến xe.

RỦI RO KHÁC

Có một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn hay dịch bệnh trên quy mô lớn. Dịch bệnh Covid là một ví dụ điển hình.

RỦI RO PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH

Công ty hoạt động với hình thức Công ty Cổ phần và thuộc ngành dịch vụ công ích nên đồng thời chịu sự chi phối giữa các luật như: Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế cũng như chịu sự tác động về luật đặc thù ngành là Luật Giao thông đường bộ. Ban lãnh đạo Công ty luôn cập nhật những thay đổi của luật pháp để hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Để góp phần vào công cuộc sống xanh – sạch – đẹp, giảm thiểu lượng khí thải ra môi trường, Công ty đã nâng cấp lên xe buýt CNG và đẩy mạnh chất lượng dịch vụ để khuyến khích người dân hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân nhằm đảm bảo việc giảm thiểu khí thải ra môi trường được kiểm soát.

RỦI RO AN TOÀN HOẠT ĐỘNG VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

SaigonBus luôn chú trọng trong việc cải thiện và nâng cao cách phục vụ, để duy trì được sự thân thiết với khách hàng, đảm bảo được khách hàng có sự hài lòng với cách phục vụ của nhân viên Công ty. Công ty luôn tạo điều kiện để nhân viên có thể tiếp cận đến các khóa học về giao tiếp, sự bình tĩnh trong công việc cũng như giải quyết tình huống khi tình hình có chiều hướng tiêu cực. Công ty luôn chú trọng về mức độ an ninh trên từng chuyến xe, đảm bảo các vật tư trang cá nhân của hành khách được an toàn bằng cách lắp camera trên xe, luôn theo dõi từng hành động đáng nghi của một số cá nhân và xử lý tình huống bất trách, bất ngờ. SaigonBus đã triển khai lắp đặt các phương tiện tiện ích như máy bán vé tự động, loa thông báo, camera trên các xe để nâng cao được chất lượng phục vụ. SaigonBus luôn nỗ lực thực hiện đúng theo phương châm "Chuyên nghiệp – Văn minh". Ngoài ra, SaigonBus cam kết luôn đặt an toàn của hành khách lên trên hết, đảm bảo trải nghiệm dịch vụ an toàn, tin cậy cho mỗi khách hàng

PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

01 Tình hình SXKD

02 Tình hình nhân sự

03 Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

04 Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết thúc năm 2021, đây là một năm khó khăn với tình hình hoạt động kinh doanh của hầu như tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế nội địa, SaigonBus cũng gặp rất nhiều khó khăn khi ngành nghề của Công ty chuyên về hoạt động dịch vụ vận tải công ích, thuộc một trong những rủi ro có nguy cơ lây lan dịch bệnh cao khi chở hành khách từ mọi nơi trong khu vực kinh doanh. Đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 diễn ra từ cuối tháng 4/2021 với tốc độ lây lan nhanh chóng tại các tỉnh miền Nam khiến cho hoạt động vận tải hành khách lại càng thêm điêu đứng. Các hoạt động kinh doanh của Công ty trong đó có hoạt động kinh doanh chính là xe buýt phải tạm ngưng hoạt động từ tháng 6/2021 đến hết tháng 9/2021 do thực hiện giãn cách toàn xã hội để phòng chống dịch bệnh COVID-19. Sau khi ngưng giãn cách từ đầu tháng 10/2021, Thành phố từng bước phục hồi, các hoạt động kinh doanh của Công ty cũng từng bước bắt đầu hoạt động trở lại. Tuy nhiên, thực hiện theo Chỉ thị số 18 của Thành phố với phương châm "An toàn tới đâu mở cửa tới đó" nên các hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn chưa thể khôi phục hoàn toàn. Bên cạnh đó, ngân sách dành cho trợ giá không đủ dẫn đến tiền trợ giá cho đơn vị vận tải buýt luôn trong tình trạng thiếu hụt do doanh thu đặt hàng đơn vị phải nhận khoán cao hơn thực tế, đơn vị không nhận được tiền khấu hao xe cũ hoạt động trên 10 năm, tiền đầu tư và chi phí tiền lương tăng thêm đối với các tuyến bán vé bán tự động không bố trí nhân viên phục vụ. Đối với hoạt động dịch vụ đưa rước: do thực hiện theo phương châm "03 tại chỗ" và "01 cung đường 02 điểm đến" nên nhiều nhà máy, công ty tạm ngừng hoạt động. Hoạt động du lịch, liên vận quốc tế Campuchia cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng do phải tạm dừng hoạt động trong nhiều tháng theo chỉ đạo của Thành phố về phòng, chống dịch bệnh.

Với những nguyên nhân nêu trên, tổng doanh thu năm 2021 Công ty chỉ đạt 283.506 triệu đồng đạt 63,08% so với kế hoạch và thấp hơn doanh thu năm ngoái 121.155 triệu đồng. Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế lỗ 64.485 triệu đồng, điều này cho thấy dịch bệnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu	TH 2020 (Trđ)	KH 2021 (Trđ)	TH 2021 (Trđ)	%TH2021 /TH2020	%TH2021 /KH2021
Tổng doanh thu	404.661	449.472	283.506	70,06%	63,08%
Lợi nhuận trước thuế	(49.429)	3.293	(64.485)	130,46%	
Vốn điều lệ	600.000	600.000	600.000	100,00%	100,00%

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU:

Chỉ tiêu	2020		2021	
	Giá trị (Trđ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Trđ)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa	34.183	8,45%	24.338	8,58%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	364.252	90,01%	256.858	90,60%
Doanh thu tài chính	413	0,10%	1.168	0,41%
Doanh thu khác	5.812	1,44%	1.141	0,40%
Tổng doanh thu	**404.661**	**100%**	**283.506**	**100%**

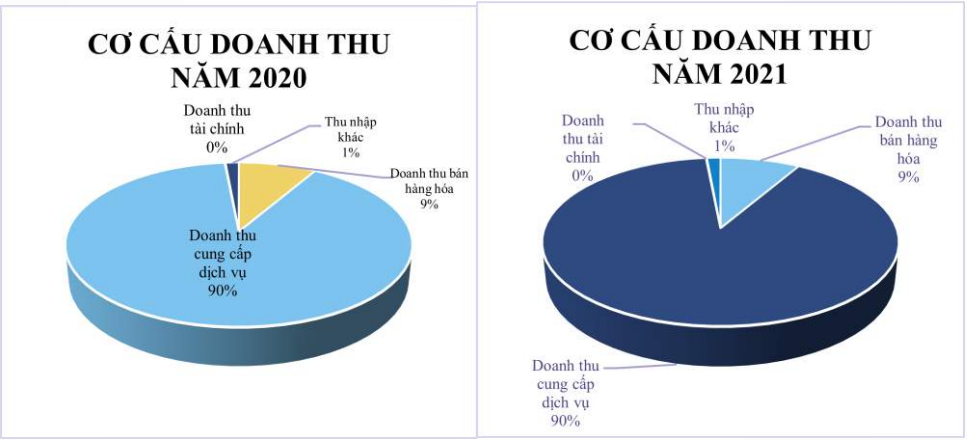

Doanh thu cung cấp dịch vụ vẫn chiếm tỷ trọng cao trên 90% trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành năm 2021

Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kiều Nam Thành	Chủ tịch HĐQT	29/6/2020	29/6/2021
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	29/6/2021	
Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên HĐQT	09/4/2018	29/6/2021
Ông Trần Long	Thành viên HĐQT	29/6/2021	
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Thành viên BKS	29/6/2020	29/6/2021
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên BKS	29/6/2021	
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thành viên BKS	28/7/2016	29/6/2021
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Thành viên BKS	29/6/2021	

Số lượng cán bộ, công nhân viên:

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (Người)	Tỷ lệ
I	**Theo trình độ lao động**	892	
1	Trên đại học	9	1,01%
2	Đại học, cao đẳng	98	10,99%
3	Trung cấp	20	2,24%
4	Công nhân kỹ thuật	0	0,00%
5	Lao động phổ thông	765	85,76%
II	**Theo loại hợp đồng lao động**	892	
1	Hợp đồng không thời hạn	657	73,65%
2	Hợp đồng xác định từ 01 – 03 năm	229	25,67%
3	Hợp đồng thời vụ (< 01 năm)	6	0,67%
III	**Theo giới tính**	892	
1	Nam	682	76,46%
2	Nữ	210	23,54%

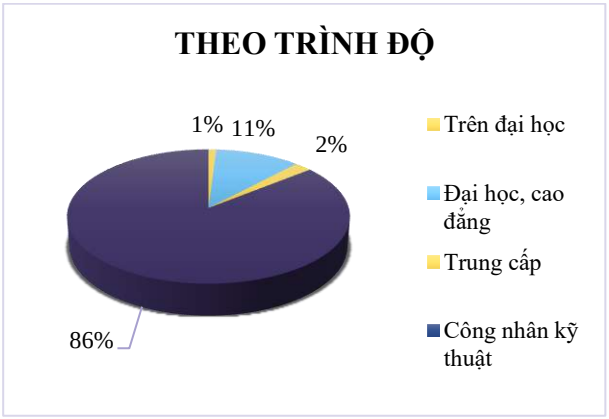

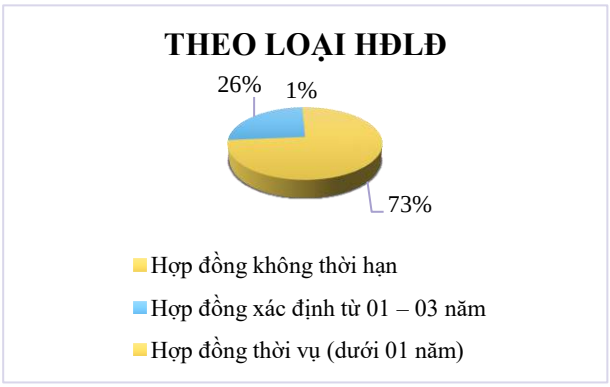

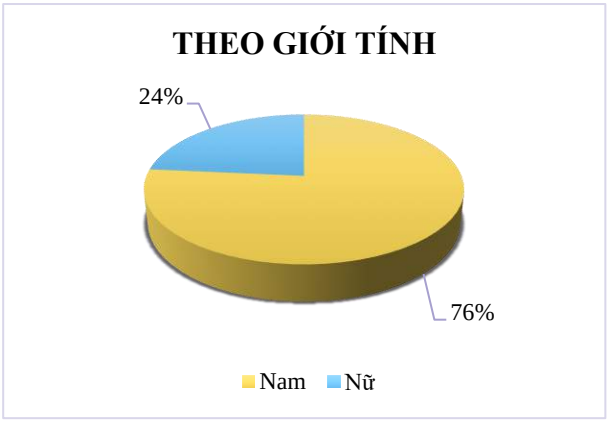

Thu nhập bình quân:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động bình quân	1.259	1.099	1.009	735
Thu nhập bình quân (Trđ/người/tháng)	9,7	11,1	11,6	8,7

Chính sách nhân sự:

- **Về môi trường công việc:**

Chế độ làm việc đối với khối văn phòng là 48h/tuần, đối với Bộ phận trực tiếp sản xuất kinh doanh là làm việc theo ca. Công ty cũng chú trọng đến môi trường làm việc của cán bộ nhân viên, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho người lao động, trang bị đầy đủ đồng phục, các vật dụng chống dịch để vừa chống dịch cùng đất nước và vừa sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, các chính sách nghỉ lễ, nghỉ phép, ốm đau, thai sản cũng được thực hiện phù hợp với đặc điểm của từng bộ phận, đúng quy định của Pháp luật.

- **Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:**

Công ty xây dựng mức lương dựa theo trình độ, cấp bậc, thâm niên của nhân viên, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người.

- **Về đào tạo và tuyển dụng:** Theo quy chế tuyển dụng và đào tạo của Công ty.
- **Về phúc lợi xã hội:**

Công ty luôn tuân thủ đúng quy định của Pháp luật về Quyền và lợi ích của người lao động.

Tất cả người lao động của Công ty đều được ký hợp đồng lao động và đóng BHXH theo đúng quy định của Nhà nước.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư phương tiện

- Đối với hoạt động xe buýt chỉ thực hện đầu tư khi có sự chấp thuận của cơ quan chức năng hoặc trúng thầu.
- Đối với xe kinh doanh dịch vụ chỉ thực hiện đầu tư khi có nhu cầu của khách hàng hoặc trúng thầu.
- Trong năm 2021, Công ty không thực hiện đầu tư phương tiện.

- Về việc xin cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, ký Hợp đồng thuê đất và nộp tiền thuê đất cho Nhà nước: Công ty đã hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu từ tháng 04/2017 nhưng cho đến nay mới chỉ có mặt bằng bãi xe Bắc Việt, 39 HTLÔ và 592 Cộng Hòa đã ký Hợp đồng thuê đất; các mặt bằng còn lại do có giá trị trên 30 tỷ nên phải thông qua thủ tục đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm định giá, Sở TNMT đã đăng báo mời nhiều lần nhưng không có đơn vị nào tham gia.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	TH 2021	%TH2021/ TH2020
Tổng tài sản	Trđ	684.549	565.119	82,55%
Doanh thu thuần	Trđ	398.436	281.197	70,58%
Lợi nhuận từ HĐKD	Trđ	(49.508)	(39.942)	80,68%
Lợi nhuận khác	Trđ	79	(24.543)	
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	(49.429)	(64.485)	130,46%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	(49.535)	(64.485)	130,18%

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021	
	Giá trị (Trđ)	Tỷ trọng	Giá trị (Trđ)	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	**145.233**	**21,22%**	**104.395**	**18,47%**
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.207	8,94%	32.219	5,70%
Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.385	0,35%	500	0,09%
Các khoản phải thu ngắn hạn	66.569	9,72%	56.429	9,99%
Hàng tồn kho	5.811	0,85%	5.628	1,00%
Tài sản ngắn hạn khác	9.261	1,35%	9.619	1,70%
Tài sản dài hạn	**539.316**	**78,78%**	**460.724**	**81,53%**
Các khoản phải thu dài hạn	146	0,02%	-	0,00%
Tài sản cố định	521.838	76,23%	447.528	79,19%
Tài sản dở dang dài hạn	664	0,10%	664	0,12%
Tài sản dài hạn khác	16.668	2,43%	12.532	2,22%
Tổng tài sản	**684.549**	**100,00%**	**565.119**	**100,00%**

Về tình hình tài sản được ghi nhận tại mức 565.119 triệu đồng, thấp hơn so với năm ngoái là 119.430 triệu đồng, tương đương giảm 17,45%.

Tài sản chiếm tỷ trọng lớn là tài sản dài hạn đến 81,53% trong năm 2021 do đặc thù của ngành cần nhiều phương tiện vận tải như xe buýt, xe đưa đón,... hoạt động cho nhu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng.

Tình hình nguồn vốn

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021	
	Giá trị (Trđ)	Tỷ trọng	Giá trị Trđ)	Tỷ trọng
Nợ phải trả	**338.947**	**49,51%**	**284.003**	**50,26%**
Nợ ngắn hạn	208.840	30,51%	184.935	32,73%
Nợ dài hạn	130.107	19,01%	99.067	17,53%
Vốn chủ sỡ hữu	**345.602**	**50,49%**	**281.116**	**49,74%**
Vốn chủ sở hữu	345.602	50,49%	281.116	49,74%
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	-	0,00%	-	0,00%
Tổng nguồn vốn	**684.549**	**100,00%**	**565.119**	**100,00%**

Về tình hình Nguồn vốn, vốn chủ sở hữu năm 2021 chiếm 49,74% tỷ trọng, từ đó đưa Nợ phải trả chiếm 50,26%.

Về vốn chủ sở hữu, hiện lợi nhuận chưa phân phối là âm 64.485 triệu đồng cho thấy tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	TH 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,70	0,56
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,67	0,53
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	49,51%	50,26%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	98,07%	101,03%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-12,43%	-22,93%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-14,33%	-22,94%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	-7,24%	-11,41%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: các hệ số thanh toán của Công ty năm 2021 đều giảm, cụ thể: hệ số thanh toán là 0,56 và hệ số thanh toán nhanh là 0,53.

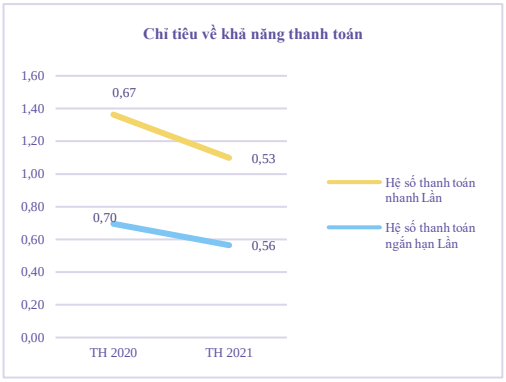

Cơ cấu vốn

Tỷ lệ Nợ trên Tổng tài sản là 50,26%; tỷ lệ Nợ trên Vốn chủ sở hữu là 101,03%. Với cơ cấu vốn này, công ty phải nỗ lực hơn trong hoạt động kinh doanh để bù đắp chi phí lãi vay phát sinh.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Hệ số khả năng sinh lời đều âm trong năm 2021 do kết quả hoạt động kinh doanh bị lỗ.

Doanh thu năm 2021 giảm 29,94% và chi phí giảm 23,37% so với năm 2020 khiến cho lợi nhuận của Công ty nhận giá trị âm nhiều hơn so với năm trước. Để cải thiện được tình trạng này, công ty cần tích cực hơn trong công tác quản lý chi phí, đồng thời thúc đẩy các hoạt động kinh doanh dịch vụ khác để thay đổi cơ cấu doanh thu, cải thiện tình hình hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Stt	Chỉ tiêu	KH năm 2021	TH năm 2021	Tỷ lệ TH 2021/KH 2021
		(Trđ)	(Trđ)	(%)
1	Tổng doanh thu	449.472	283.506	63,08%
2	Tổng chi phí	446.179	347.991	77,99%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.293	(64.485)	

Năm 2021 là một năm cực kỳ khó khăn với Công ty cũng như cả nước và thế giới khi gồng mình chống chọi rủi ro về dịch bệnh, doanh thu thuần hiển nhiên thấp hơn so với năm ngoái. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận của Công ty không đạt được kế hoạch mong đợi, song HĐQT vẫn ghi nhận các cố gắng, nỗ lực trong hoạt động của toàn thể nhân viên Công ty và Ban điều hành. Với tình hình hoạt động, Công ty đang tồn tại các điểm tích cực và hạn chế như sau:

- Tích cực: Tình hình nội bộ Công ty ổn định, đoàn kết; trách nhiệm và ý thức của người lao động được nâng lên nhất là thái độ làm việc, tinh thần trách nhiệm, ý thức tiết kiệm chi phí, đặc biệt là năng suất lao động được nâng cao hơn trước.

Cơ chế quản lý của Công ty năng động, linh hoạt hơn; Đội ngũ cán bộ lãnh đạo có trình độ năng lực, nhiều kinh nghiệm trong quản lý điều hành. Bộ máy quản lý được bố trí tinh giản, gọn nhẹ. Mọi hoạt động của Công ty tiến hành theo Điều lệ và quy định chặt chẽ của Công ty, luôn được sự ủng hộ và thống nhất cao của tập thể người lao động Công ty.

Công ty đã triển khai nhiều giải pháp về tổ chức lại sản xuất gắn hiệu quả công việc với thu nhập từ đó kích thích tăng năng suất lao động,

- Hạn chế và nguyên nhân:

Mạng lưới tuyến buýt của Thành phố hiện nay chưa có quy hoạch chính thức, thiếu các bãi hậu cần, các bãi kỹ thuật, bến trung chuyển, cơ sở hạ tầng của các tuyến buýt (trụ dừng, nhà chờ, ô sơn, biển treo, thông tin tuyến…) còn thiếu và bố trí chưa hợp lý, không thuận tiện cho hành khách đi xe và gây khó khăn cho công tác vận hành của các đơn vị vận tải.

Tình trạng kẹt xe, ùn tắc giao thông thường xuyên diễn ra gây trễ giờ, mất chuyến. Sản lượng hành khách hoạt động xe buýt của toàn mạng đang trên đà giảm sút.

Tình hình trợ giá hàng năm thường không ổn định, biến động không theo quy luật và còn phụ thuộc nhiều vào những quyết định mang tính thời điểm của các cơ quan quản lý nhà nước, điều này làm ảnh hưởng đến tính ổn định đối với hoạt động của Công ty.

Do thu nhập cho tài xế lái xe còn chưa cao chưa tương xứng với cường độ lao động nặng nhọc, nhiều rủi ro nên tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề thường xuyên diễn ra, công tác tuyển dụng lái xe buýt gặp nhiều khó khăn.

Hiện nay, thành phố chỉ có 04 trạm nạp khí CNG (trạm Phổ Quang, Đại học Quốc Gia, An Sương và trạm Tân Kiên) không đủ đáp ứng nhu cầu nạp khí CNG khi đầu tư thêm xe buýt.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Trong năm qua, Ban Điều hành luôn phối hợp thực hiện chặt chẽ các nghị quyết do HĐQT thông qua, đồng thời giám sát quá trình thực hiện để đảm bảo hiệu quả hoạt động. HĐQT cũng theo dõi quá trình thực hiện để kịp thời hỗ trợ Ban điều hành và các bộ phận vận hành.

Ban điều hành thường xuyên theo dõi tình hình tài chính, các công tác quản lý, từ đó xây dựng các kế hoạch kinh doanh, các giải pháp tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Mặc dù, trong năm qua tình hình hoạt động của Công ty chưa đạt như kế hoạch, lợi nhuận trong năm nay còn âm nhưng Ban Điều hành vẫn thực hiện đúng với các điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định liên quan. Ban Điều hành đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ của mình trong các công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đúng với tinh thần mà Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đã định hướng. HĐQT đánh giá cao sự cố gắng của Ban điều hành trong năm vừa qua, nhưng HĐQT yêu cầu Ban điều hành nỗ lực hơn nữa trong việc giải quyết dứt điểm những tồn tại hạn chế của Công ty và chủ động đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Các giải pháp về cơ cấu tổ chức – chế độ tiền lương:

Chú trọng xây dựng và thực hiện các chiến lược để đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức các lớp đào tạo thêm cho các cán bộ CNV trong Công ty, phát triển để bổ sung cho đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty.

Xây dựng các phần mềm quản lý nguồn nhân sự, kế toán và quản lý Công ty để giúp cho việc quản lý, điều hành được thuận tiện, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Đồng thời, cơ cấu lại các lĩnh vực hoạt động về quản trị nhân sự, xây dựng và triển khai quy chế quản lý công việc.

Các giải pháp về công nghệ:

Triển khai các ứng dụng hệ thống phần mềm trong quá trình hoạt động như quản lý các hoạt động dịch vụ du lịch của Công ty và các hệ thống điều hành của SaigonBus, đẩy mạnh các tiến bộ về công nghệ vào công tác quản lý và điều hành kinh doanh để nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

Nâng cấp các trang thông tin điện tử (website) của Công ty để khách hàng dễ dàng truy cập và sử dụng, cập nhập thêm nhiều thông tin mới nhất về sản phẩm - dịch vụ. Ngoài ra, lắp đặt GPS, camera, hệ thống in vé online, thanh toán bằng thẻ và ví Unipass trên các tuyến xe buýt của Công ty.

Các giải pháp tăng doanh thu - tiết kiệm chi phí:

Luôn tăng cường thực hiện các quản lý và thắt chặt nguồn tài chính, tiết kiệm các chi phí quản lý, kiểm soát chặc chẽ các chi phí sản xuất. Kiểm tra, rà soát các tuyến đường và điều chỉnh biểu đồ giờ, đồng thời sắp xếp bố trí lại các phương tiện vận chuyển một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

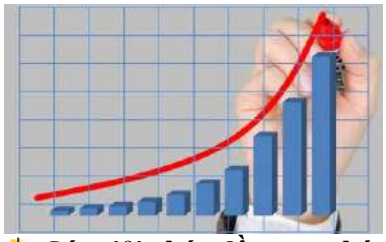

Các giải pháp đầu tư – phát triển thị trường:

Thực hiện đầu tư nâng cấp đoàn phương tiện hiện có để tập trung phát triển loại hình đưa rước công nhân, liên vận quốc tế, du lịch.

Thực hiện và đẩy nhanh hoàn thiện hồ sơ pháp lý liên quan đến đất đai để thực hiện các dự án bãi đậu xe cao tầng.

SaigonBus

PHẦN IV

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1- Đánh giá kết quả kinh doanh
2- Tình hình tài chính
3- Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý
4-Kế hoạch phát triển trong tương lai
5- Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	TH 2021	%TH2021/ KH2021
Tổng doanh thu	Trđ	449.472	283.506	63,08%
Vốn điều lệ	Trđ	600.000	600.000	100%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	3.293	(64.473)	

Thực hiện theo Chỉ thị của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thành phố về phòng, chống dịch COVID-19 nên các hoạt động kinh doanh của Công ty phải tạm ngưng hoạt động, đặc biệt là hoạt động kinh doanh chính của Công ty (xe buýt) tạm ngưng toàn bộ hoạt động trong nhiều tháng nên Công ty không có nguồn thu, ngân sách dành cho trợ giá không đủ dẫn đến tiền trợ giá cho đơn vị vận tải buýt luôn trong tình trạng thiếu hụt. Mặt khác, trong thời gian tạm ngưng hoạt động Công ty vẫn phải hạch toán và chi trả cho các khoản chi phí cơ bản như khấu hao, tiền thuê đất, mặt bằng bến bãi, lương, BHYT, BHXH cho người lao động và các khoản định phí thường xuyên cho hoạt động các tuyến buýt và các xe cho thuê như: nợ gốc, lãi vay, các loại thuế, bảo hiểm vật chất, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, phí kiểm định và phí sử dụng đường bộ, lương chờ việc cho đội ngũ lái xe và tiếp viên, lương cho công nhân thợ và khối gián tiếp của công ty…Vì vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 lỗ 64.473 triệu đồng.

Để khắc phục những tồn tại và vượt qua thách thức HĐQT và Ban điều hành đã triển khai nhiều giải pháp như:

Từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, Công ty phải thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động với 850 lao động.

Ngày 28/10/2021, Công ty phối hợp với Hiệp hội vận tải ô tô hành khách liên tỉnh và du lịch TP.HCM – Chi hội xe buýt gửi văn bản kiến nghị Sở GTVT, Trung tâm QLGTCC:

+ Không khoán sản lượng, áp dụng sản lượng thực tế để thanh toán trợ giá trong thời điểm bị ảnh hưởng bởi dịch cho đến hết năm 2021.

+ Ký phụ lục hợp đồng với đơn vị vận tải về chênh lệch tiền lương tối thiểu chung năm 2020 và chi phí hỗ trợ đơn vị trong thời điểm diễn ra dịch năm 2020 theo tinh thần chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND Thành phố Võ Văn Hoan tại văn bản số 771/TB-VP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của văn phòng UBND Thành phố.

Chỉ đạo quyết liệt trong công tác quản lý điều hành như thu hồi công nợ, gia hạn nợ, gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất, thương thảo với các nhà cung cấp hỗ trợ chậm thanh toán, điều chỉnh giảm định mức nhiên liệu, giảm lao động, tăng nguồn thu từ các dịch vụ hỗ trợ khác, cơ cấu phòng ban, đơn vị trực thuộc và cắt giảm nhân sự khối gián tiếp.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

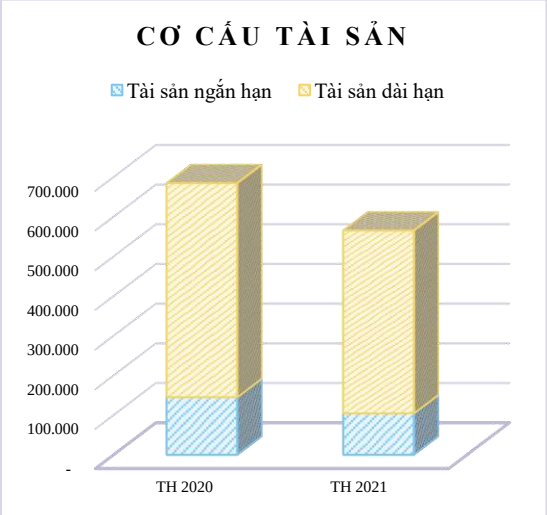

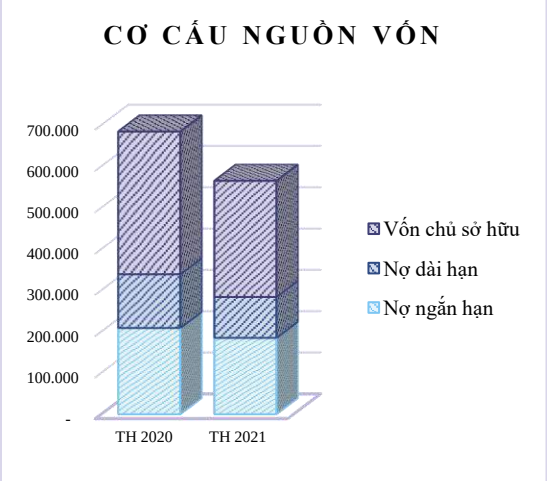

Chỉ tiêu	TH 2020 (Trđ)	TH 2021 (Trđ)	%TH2021/ TH2020
Tài sản	**684.549**	**565.119**	**82,55%**
Tài sản ngắn hạn	145.233	104.395	71,88%
Tài sản dài hạn	539.316	460.724	85,43%
Nguồn vốn	**684.549**	**565.119**	**82,55%**
Nợ ngắn hạn	208.840	184.935	88,55%
Nợ dài hạn	130.107	99.067	76,14%
Vốn chủ sở hữu	345.602	281.116	81,34%

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Đầu tư phương tiện: trong năm Công ty không đầu tư phương tiện.

Dự án bến bãi:

Năm 2021 Công ty đã gửi Tổng Công ty Samco và UBND TP văn bản về việc hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến hồ sơ pháp lý các khu đất của Công ty: điều chỉnh quy hoạch tại khu đất số 01 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình và khu đất số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình; thẩm định giá 04 khu đất còn lại của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, cơ chế quản lý của Công ty năng động, linh hoạt hơn, bộ máy quản lý của Công ty được bố trí tinh giản, gọn nhẹ. Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển toàn diện.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp, quán triệt, tuyên truyền sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Công ty đến toàn thể người lao động và các đối tác. Tiếp tục triển khai nghiên cứu và hoàn thành phần mềm quản lý nhân sự, kế toán giúp cho công tác quản trị thực hiện với chi phí thấp nhưng vẫn đạt hiểu quả cao. Việc tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh và ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành luôn được sự ủng hộ và thống nhất cao của tập thể người lao động Công ty. Xây dựng các chính sách tiết kiệm chi phí, kế hoạch kinh doanh chi tiết, cụ thể đảm bảo phương hướng đúng với nghị quyết do Hội đồng Quản trị đề ra.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Với tình hình nền kinh tế còn nhiều biến động trong thời gian tới do ảnh hưởng dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp, đồng thời nếu các cơ chế, chính sách liên quan đến trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các vướng mắc của các khu đất chưa được giải quyết để Công ty triển khai các dự án bãi đậu xe đa năng theo chủ trương của UBND Thành phố giao và khai thác, mở rộng các hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ hỗ trợ thì dự báo năm 2022 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ tiếp tục lỗ, khả năng Công ty thoát lỗ và hoạt động có lợi nhuận là rất khó đạt được.

Tuy nhiên, trong thời gian tới Thành phố sẽ có những giải pháp để tăng cường vận tải hành khách công cộng, kiểm soát sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông và quản lý quy hoạch đô thị, phát triển nguồn vốn hỗ trợ giao thông công cộng, ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý nhu cầu giao thông và trật tự an toàn giao thông, tuyên truyền. Đây sẽ là dấu hiệu dự báo cho tình hình kinh doanh của Công ty nói chung và hoạt động kinh doanh chính (xe buýt) sẽ tốt hơn.

Nhiệm vụ trọng tâm:

- Về hoạt động buýt:

Chủ động nghiên cứu, tham gia dự thầu gói thầu cung ứng các tuyến xe buýt do Trung tâm QLGTCC làm chủ đầu tư trên cơ sở đánh giá hiệu quả của từng gói thầu.

Rà soát, điều chỉnh lại hoạt động của các tuyến theo từng thời điểm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua các công tác điều chỉnh biểu đồ giờ, đề xuất điều chỉnh lộ trình tuyến cho phù hợp.

- Hoàn thiện các đề án ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thu hút người dân tham gia đi lại bằng xe buýt; trong đó tập trung triển khai có hiệu quả hệ thống bán vé tự động làm cơ sở triển khai mở rộng cho toàn mạng theo chỉ đạo của Sở GTVT để tiến tới việc không sử dụng nhân viên điều hành đầu bến, nhân viên phục vụ xe buýt, đồng thời thực hiện việc kiểm tra đối soát sản lượng, doanh thu qua phần mềm trực tuyến và thực hiện lệnh vận chuyển điện tử thay thế lệnh vận chuyển bằng giấy như hiện nay.

Tham gia xây dựng bộ đơn giá trợ giá cho các tuyến buýt không bố trí nhân viên phục vụ.

Tìm kiếm, mở rộng thị phần của hoạt động vận tải buýt ra các tỉnh lân cận.

- Về hoạt động phụ trợ:

Giữ vững, nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng hiện tại và chủ động, tích cực tìm kiếm khách hàng mới.

Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các lĩnh vực kinh doanh cho thuê xe dài hạn, hoạt động liên vận quốc tế Campuchia…

Chú trọng đầu tư trung tâm dạy nghề nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút và mở rộng thị phần.

Mở rộng các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ.

- Về công tác quản lý, điều hành Công ty:

Cơ cấu lại các lĩnh vực hoạt động, sắp xếp hợp lý hóa mô hình tổ chức, chuẩn hóa các chức danh và công việc của từng cá nhân, xây dựng và triển khai quy chế quản lý công việc theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Điều chỉnh quy chế trả lương gắn với hiệu quả công việc.

Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và điều hành sản xuất, chú trọng đầu tư công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ.

Tiếp tục thực hiện việc tiết giảm chi phí quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất.

- Về công tác đầu tư:

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và ký hợp đồng thuê đất đối với các khu đất của Công ty.

Tập trung đẩy mạnh công tác điều chỉnh quy hoạch dự án bãi đỗ xe tĩnh cao tầng kết hợp các loại hình thương mại, dịch vụ và văn phòng tại 592 Cộng Hòa và số 01 Phạm Hồng Thái.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022:

Tổng doanh thu: 452.173 triệu đồng.

Lợi nhuận trước thuế: (24.948) triệu đồng.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn và đưa ra ý kiến ngoại trừ như sau:

Công ty đã chi vượt quỹ lương trong giai đoạn là Công ty TNHH MTV (trước thời điểm cổ phần hóa ngày 19/8/2016), chưa quyết toán để ghi nhận vào kết quả kinh doanh với số tiền 4.606.921.103 VND, làm cho chỉ tiêu "Phải trả người lao động" giảm 4.606.921.103 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tăng lên với số tiền tương ứng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021. Việc quyết toán quỹ lương sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Do đó, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa xử lý khoản lương chi thừa này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể thay đổi khi quỹ lương được duyệt.

Vấn đề cần nhấn mạnh: tại ngày 31/12/2021, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn với số tiền 80.541 triệu đồng. Điều này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

PHẦN V
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GIÁ TRỊ KINH TẾ

Một doanh nghiệp về cơ bản cần đạt được mục tiêu kinh tế của mình để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và tạo công việc ổn định cho người lao động và đóng góp cho ngân sách nhà nước. Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn hoạt động với nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty. Tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế của Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận như Bình Dương, Tây Ninh và cả nước.

Ngay từ thời điểm thành lập cho đến nay, **SaigonBus** luôn cố gắng thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Những năm gần đây, mặc dù Công ty chưa đạt được kết quả như mong muốn nhưng Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn đồng lòng cùng nhau hoạt động vì mục tiêu kinh tế chung đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó.

SaigonBus luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

MỤC TIÊU VÀ HÀNH ĐỘNG

- Về môi trường: Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách công cộng, đây là lĩnh vực có ảnh hưởng đến hoạt động bảo vệ môi trường. Nhận thức được điều này, giảm thiểu tối đa tác nhân gây hại đến môi trường như khí thải, khói bụi từ phương tiện là một điều cần thiết. Công ty đã và đang phối hợp với Công ty cổ phần Khí Miền Nam (Gas South) về việc sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường, luôn cập nhật các nghiên cứu khoa học công nghệ để ứng dụng vào hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ và duy trì môi trường trong lành.

Công ty luôn có kế hoạch sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu lượng năng lượng thải ra môi trường thông qua việc thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị, thay mới xe cũ, đầu tư dàn xe mới.

Từ năm 2011, **SaigonBus** là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải công cộng đi tiên phong trong vấn đề sử dụng phương tiện vận tải "xanh" để bảo vệ môi trường. Cho đến nay, Công ty

vẫn duy trì

và phát triển hệ thống xe bus sử dụng nhiên liệu CNG thân thiện với môi trường. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục đầu tư mua 18 xe bus CNG để triển khai dự án đưa 39 xe buýt CNG vào hoạt động trên tuyến xe số 55: Công viên phần mềm Quang Trung – Khu Công nghệ cao (Q9).

Thanh lý các phương tiện thiết bị cũ kỹ lạc hậu, có mức tiêu hao năng lượng cao bằng các phương tiện hiện đại và tiên tiến hơn đảm bảo: tiêu chuẩn khí thải quy định và mức tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng điện ít hơn. Công ty tuân thủ chính sách môi trường của nhà nước nơi Công ty hoạt động, cam kết giảm thiểu các tác động môi trường do các hoạt động của Công ty với mục đích ngăn ngừa ô nhiễm, tuân thủ pháp luật, các yêu cầu khác và cố gắng nỗ lực cho các hoạt động cải thiện môi trường trong công ty và cho toàn cộng đồng.

Công ty đảm bảo mọi nhân viên thực hiện các công việc của Công ty có khả năng gây ra (các) tác động đáng kể lên môi trường mà Công ty xác định được đều phải có đủ năng lực trên cơ sở đào tạo hoặc kinh nghiệm thích hợp, và có duy trì các hồ sơ liên quan Công ty thiết lập, thực hiện và duy trì một thủ tục để giám sát và đo lường

trên cơ sở các đặc trưng chủ chốt của các hoạt động của mình có thể có tác động đáng kể lên môi trường.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh việc sử dụng các nguồn năng lượng được Công ty chủ động theo dõi đánh giá tác động của chúng đến môi trường nhằm kiểm soát được chi phí hoạt động vừa thực hiện được các mục tiêu đã cam kết đối với môi trường xã hội. Ngoài ra, trong những kế hoạch hoạt động của mình, **SaigonBus** luôn chú ý đến việc tiêu thụ các nguồn năng lượng này nhằm có sự tính toán đúng đắn cho các chi phí hoạt động từ đó góp phần tích cực trong việc nâng cao kết quả kinh doanh, bảo tồn và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên quốc gia. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định liên quan đến môi trường hiện nay.

ĐỐI VỚI CÁN BỘ NHÂN VIÊN, KHÁCH HÀNG VÀ CỘNG ĐỒNG

- Đối với cán bộ nhân viên Công ty:

SaigonBus đã và đang tạo được việc làm ổn định cho CB.CNV của mình và cho người lao động tại địa bàn TP. Hồ Chí Minh nói riêng và người lao động cả nước nói chung. Đảm bảo cho người lao động có được môi trường làm việc an toàn, khỏe mạnh, có được tinh thần thoải mái sau một ngày làm việc. Tạo điều kiện khuyến khích nhân viên làm việc tích cực, qua đó phát hiện đào tạo, bồi dưỡng để tạo ra một đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt công việc và đảm bảo được mục tiêu mà Công ty đưa ra. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm và tạo điều kiện thu nhập sau dịch bệnh cho cán bộ nhân viên của Công ty là điều kiện cho sự phát triển bền vững, lâu dài của doanh nghiệp.

- Đối với khách hàng: Với mong muốn mang đến sự phục vụ tuyệt vời nhất, Công ty không ngừng đổi mới và cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Luôn đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, hạn chế chở quá số người quy định bởi Bộ Y Tế, thực hiện nghiêm công tác chống dịch.

Đối với cộng đồng: An toàn luôn giao thông là mục tiêu đặt lên hàng đầu của Công ty khi hoạt động trong lĩnh vực vận tải. Do đó, Công ty thường xuyên tập huấn và rèn luyện kỹ năng cho các tài xế nhằm nâng cao tay nghề, đảm bảo được ý thức sự an toàn của hành khách và mọi người tham gia giao thông là trên hết. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên quan tâm đến các vấn đề cộng đồng, kịp thời hỗ trợ cho các trường hợp khó khăn, neo đơn tại địa phương để góp phần thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

PHẦN VI

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kiều Nam Thành	Chủ tịch HĐQT	0	0%	29/6/2020	29/6/2021
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	0	0%	29/6/2021	
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên, Tổng Giám đốc	0	0%	29/6/2021	
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên không điều hành	0	0%	29/6/2021	
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên, Phó Tổng Giám đốc	206.900	0,345%	29/6/2021	
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên, Phó Tổng Giám đốc	206.800	0,345%	29/6/2021	
Ông Trần Lâm	Thành viên không điều hành	0	0%	29/6/2021	
Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên không điều hành	0	0%	09/4/2018	29/6/2021
Ông Trần Long	Thành viên không điều hành	0	0%	29/6/2021	

Các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Kiều Nam Thành	02/04	50%	(*)
2	Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	02/04	50%	(**)
3	Ông Trần Ngọc Dân	03/04	75%	Bận công tác đột xuất
4	Ông Phạm Hoàng Hiệp	04/04	100%	
5	Ông Nguyễn Tuấn Việt	04/04	100%	
6	Ông Nguyễn Hồ Minh	04/04	100%	
7	Ông Trần Lâm	04/04	100%	
8	Ông Bùi Đức Thọ	02/04	50%	(*)
9	Ông Trần Long	02/04	50%	(**)

(*): Ông Kiều Nam Thành và ông Bùi Đức Thọ không còn là thành viên HĐQT từ ngày 29/6/2021.

(**): Bà Lê Thị Mỹ Hạnh và ông Trần Long bắt đầu là thành viên HĐQT từ ngày 29/6/2021

Giữa các kỳ họp của HĐQT, để giải quyết các công việc cần có ý kiến của HĐQT liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý, Công ty đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản. Các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết này được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Điều lệ Công ty và dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty.

Các nghị quyết/quyết định của HĐQT:

Trong năm 2021, HĐQT Công ty đã ban hành 01 Nghị quyết và 16 Quyết định

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT/SGB	03/02/2021	Thông qua nội dung dự thảo Hợp đồng nguyên tắc về việc cung ứng sản phẩm dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn TP.HCM năm 2021.	100%
2	02/QĐ-HĐQT/SGB	08/02/2021	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
3	03/QĐ-HĐQT/SGB	10/3/2021	Kế hoạch vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh năm 2021	100%
4	04/QĐ-HĐQT/SGB	10/3/2021	Thông qua Dự thảo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
5	05/QĐ-HĐQT/SGB	23/3/2021	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	100%
6	06/QĐ-HĐQT/SGB	23/3/2021	Bổ nhiệm Thư ký HĐQT	100%
7	07/QĐ-HĐQT/SGB	05/4/2021	Tham gia đấu thầu gói thầu số 2 "Gói thầu cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên xe buýt có trợ giá số 4 và 43".	100%
8	08/QĐ-HĐQT/SGB	20/4/2021	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.	100%
9	09/QĐ-HĐQT/SGB	26/4/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.	100%
10	10/QĐ-HĐQT/SGB	29/4/2021	Về công tác đặt hàng trên các tuyến xe buýt phổ thông có trợ giá năm 2021 do Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn đảm nhận.	100%
11	11/QĐ-HĐQT/SGB	11/5/2021	Giải thể Tổ công tác triển khai dự án xây dựng các bãi xe của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.	100%
12	12/NQ-HĐQT/SGB	20/5/2021	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.	100%
13	13/QĐ-HĐQT/SGB	02/6/2021	Tạm hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.	100%
14	14/QĐ-HĐQT/SGB	14/6/2021	Thay đổi ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.	100%
15	15/QĐ-HĐQT/SGB	29/6/2021	Bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026).	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
16	16/QĐ-HĐQT/SGB	11/10/2021	Bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026).	100%
17	17/QĐ-HĐQT/SGB	11/10/2021	Bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026).	100%

Hoạt động của thành viên HĐQT:

Trong năm qua, HĐQT Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị nội bộ, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao.

HĐQT liên tục thông qua các nghị quyết đề ra phương hướng hoạt động của Công ty. HĐQT đã đồng hành cùng với Ban điều hành giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời có hướng điều chỉnh hợp lý, kịp thời theo tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo Ban điều hành và các bộ phận liên quan có hướng hoạt động đúng đắn để đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các công tác mà HĐQT đã triển khai như sau:

• Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản trong công tác quản lý mọi hoạt động: Nghị quyết, quyết định, thông báo… để triển khai kịp thời các nội dung công việc, toàn bộ nội dung hiện hữu và nội dung phát sinh thực tế của Công ty.

• Quản lý điều hành công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.

• Tiến hành đánh giá năng suất hoạt động, tiến độ thực hiện của các dự án; giám sát chặt chẽ hoạt động của Công ty dưới sự chỉ đạo của Ban Điều hành từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh, chi phí phù hợp với thực trạng.

HĐQT nhận thấy trong năm qua, khó khăn liên quan đến kinh doanh do ảnh hưởng dịch bệnh, nguồn lao động và cơ sở hạ tầng vẫn còn hiện hữu nhưng Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên vẫn cố gắng giúp Công ty hoạt động ổn định, do đó HĐQT đánh giá cao tinh thần trách nhiệm và nhiệt huyết của Ban Điều hành. HĐQT kỳ vọng trong những năm tiếp theo, Ban điều hành có thể giữ vững tinh thần đó và giúp công ty đạt được những thắng lợi khác.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng được HĐQT kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai minh bạch.

BAN KIỂM SOÁT

Thông tin về thành viên BKS:

Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng ban	0	0%	29/6/2021	
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Thành viên	0	0%		29/6/2021
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	0	0%	29/6/2021	
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thành viên	200	0,0003%		29/6/2021
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Thành viên	800	0,0013%	29/6/2021	

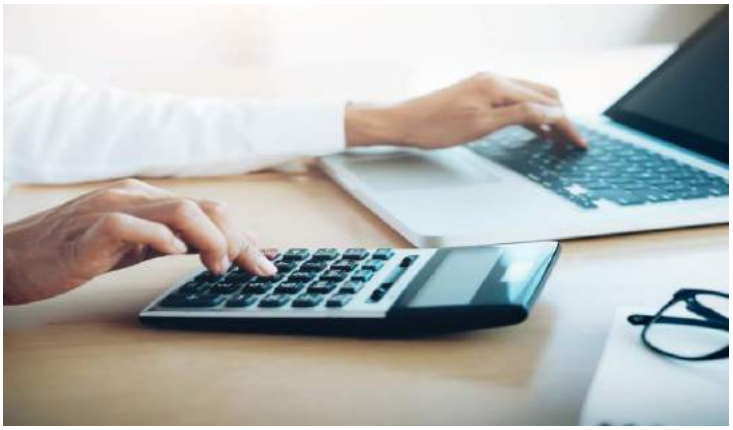

Các cuộc họp của BKS:

Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
Ông Nguyễn Quốc Soạn	03/03	100%		
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	01/03	33%		(*)
Bà Trần Thị Ngọc Dung	02/03	67%		(**)
Bà Trần Thị Kim Hòa	01/03	33%		(*)
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	02/03	67%		(**)

(*): Bà Đoàn Thị Thanh Nga và bà Trần Thị Kim Hòa không còn là thành viên BKS từ ngày 29/6/2021.

(**): Bà Trần Thị Ngọc Dung và bà Vũ Thị Hồng Cẩm bắt đầu là thành viên BKS từ ngày 29/6/2021.

Năm 2021, BKS Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại điều lệ Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

- Giám sát tính tuân thủ của HĐQT và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các quy chế, chế độ của Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan của Công ty để bảo đảm việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bảo đảm được quyền lợi ích hợp pháp của các cổ đông và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, lương, thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty được đảm bảo theo mức kinh phí đã được thông qua tại Đại hội như sau:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức thù lao/tháng (Triệu đồng)	Kế hoạch quỹ thù lao năm 2021 (Triệu đồng)
Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	1	8	96
2	Thành viên HĐQT	6	6	432
Ban kiểm soát				
1	Trưởng BKS chuyên trách	1	25	300
2	Thành viên BKS không chuyên trách	2	5	120
Ban Điều hành		6		3.008
Tổng cộng				**3.956**

Thù lao của HĐQT thực hiện năm 2021:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao (Triệu đồng)
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	48
Ông Kiều Nam Thành	Nguyên Chủ tịch HĐQT	48
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên	72
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	72
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	72
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	72
Ông Trần Lâm	Thành viên	72
Ông Bùi Đức Thọ	Nguyên Thành viên	36
Ông Trần Long	Thành viên	36
Tổng cộng		**528**

Thù lao của BKS thực hiện năm 2021:

Họ và tên	Chức danh	Lương / Thù lao (Triệu đồng)
Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng BKS	300
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Nguyên Thành viên	30
Bà Trần Thị Kim Hòa	Nguyên Thành viên	30
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	30
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Thành viên	30
Tổng cộng		**420**

Lương của Ban điều hành thực hiện năm 2021:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao (Triệu đồng)
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc	544,5
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc	492
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc	492
Ông Nìm Vuồn Phu	Phó Tổng Giám đốc	420
Ông Bùi Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	260
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Kế toán trưởng	280
Tổng cộng		**2.488,5**

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.

Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty.

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

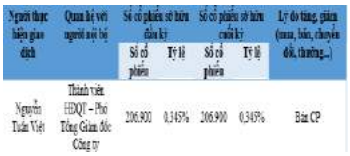

SaigonBus

PHẦN VII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Xe Khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 lần đầu ngày 21/4/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020 là 600.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng)*.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán BSG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ , BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Kiều Nam Thành	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Trần Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Ông Trần Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/6/2021
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/6/2021
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/6/2021

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nìm Vuồn Phu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, ngoài các sự kiện nêu tại Thuyết minh số 7.3 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị,

M.S.D.N: 0300478041 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN T.P HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Mỹ Hạnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 70/2022/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị. Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được lập ngày 03/3/2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã chi vượt quỹ lương trong giai đoạn là Công ty TNHH MTV (trước thời điểm cổ phần hóa ngày 19/8/2016), chưa quyết toán để ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh với số tiền 4.606.921.103 VND, làm cho chỉ tiêu "Phải trả người lao động" giảm 4.606.921.103 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tăng lên với số tiền tương ứng trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021. Việc quyết toán quỹ lương sẽ được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa xử lý khoản lương chi thừa này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể thay đổi khi quỹ lương được duyệt.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.3 và 6.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, doanh thu và phải thu tương ứng của Công ty với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt mới được quyết toán đơn giá đến hết năm 2013. Doanh thu trợ giá này được ghi nhận dựa trên đơn giá tạm tính quy định trong hợp đồng đặt hàng đã ký với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 31/12/2021, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn với số tiền 80.540.779.320 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 64.485.400.549 VND và lưu chuyển tiền thuần trong năm âm 28.987.985.247 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính tại ngày 24/3/2021.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Vũ Ngọc Án	**Lưu Minh Tới**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**104.394.716.254**	**145.233.416.666**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	32.218.807.358	61.206.792.605
1. Tiền	111		2.218.807.358	10.734.445.935
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	50.472.346.670
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	5.2	**500.000.000**	**2.384.749.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		500.000.000	2.384.749.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**56.429.003.400**	**66.569.361.459**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	33.217.936.082	43.709.880.517
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		634.765.680	712.853.831
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	23.247.187.268	22.756.803.832
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(670.885.630)	(610.176.721)
IV- Hàng tồn kho	**140**	**5.6**	**5.628.182.105**	**5.811.064.715**
1. Hàng tồn kho	141		5.628.182.105	5.811.064.715
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**9.618.723.391**	**9.261.448.887**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	4.602.974.867	4.130.647.712
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.12	4.055.632.091	4.055.632.091
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	960.116.433	1.075.169.084
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	**200**		**460.724.181.475**	**539.315.626.352**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	**145.650.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	-	145.650.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II Tài sản cố định	**220**		**447.528.278.810**	**521.837.735.177**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	445.964.153.877	519.858.482.388
- *Nguyên giá*	*222*		*1.048.949.741.048*	*1.048.749.341.048*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(602.985.587.171)*	*(528.890.858.660)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.564.124.933	1.979.252.789
- *Nguyên giá*	*228*		*2.593.521.250*	*2.593.521.250*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.029.396.317)*	*(614.268.461)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**664.083.636**	**664.083.636**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	664.083.636	664.083.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	**260**		**12.531.819.029**	**16.668.157.539**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	12.531.819.029	16.668.157.539
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**565.118.897.729**	**684.549.043.018**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	MS		31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**284.002.662.715**	**338.947.407.455**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**184.935.495.574**	**208.840.276.534**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	116.955.066.972	112.948.139.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.976.386.319	2.262.580.670
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	12.162.810.902	13.725.683.237
4. Phải trả người lao động	314		12.799.532.758	20.932.672.726
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	29.141.830	105.599.642
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		48.716.399	201.582.102
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	5.867.533.659	5.503.308.953
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	35.083.051.095	53.143.304.053
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		13.255.640	17.405.640
II- Nợ dài hạn	**330**		**99.067.167.141**	**130.107.130.921**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	56.009.000.000	55.181.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	797.221.672	601.440.000
3. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	42.260.945.469	74.324.690.921
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**281.116.235.014**	**345.601.635.563**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.16**	**281.116.235.014**	**345.601.635.563**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		*600.000.000.000*	*600.000.000.000*
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(318.883.764.986)	(254.398.364.437)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	*421a*		*(254.398.364.437)*	*(204.863.722.270)*
- LNST chưa phân phối kì này	*421b*		*(64.485.400.549)*	*(49.534.642.167)*
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**565.118.897.729**	**684.549.043.018**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Vân Anh	Đoàn Thị Giao Thuyết	Phạm Hoàng Hiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	281.196.575.625	398.435.637.747
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		281.196.575.625	398.435.637.747
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	267.891.968.256	359.716.806.562
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**13.304.607.369**	**38.718.831.185**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.168.266.665	412.833.010
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	4.782.944.715	8.911.929.005
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*4.691.186.382*	*6.870.460.531*
8.	Chi phí bán hàng	25	6.5	46.604.616	118.004.492
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	49.585.583.011	79.609.760.682
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**(39.942.258.308)**	**(49.508.029.984)**
11.	Thu nhập khác	31	6.7	1.140.936.398	5.812.486.986
12.	Chi phí khác	32	6.7	25.684.078.639	5.733.457.845
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**6.7**	**(24.543.142.241)**	**79.029.141**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**(64.485.400.549)**	**(49.429.000.843)**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	105.641.324
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(64.485.400.549)**	**(49.534.642.167)**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**6.9**	**(1.075)**	**(826)**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Vân Anh	Đoàn Thị Giao Thuyết	Phạm Hoàng Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I.	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**				
1.	*Lợi nhuận trước thuế*	*01*		*(64.485.400.549)*	*(49.429.000.843)*
2.	*Điều chỉnh cho các khoản:*				
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		74.509.856.367	73.086.094.506
	- Các khoản dự phòng	03		60.708.909	(182.846.894)
	- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.168.266.665)	(4.712.576.493)
	- Chi phí lãi vay	06		4.691.186.382	6.870.460.531
3.	***Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***13.608.084.444***	***25.632.130.807***
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.340.351.801	72.056.175.017
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		182.882.610	5.163.911.929
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.784.610.482)	57.116.954.599
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.664.011.355	4.786.184.848
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.727.322.230)	(6.896.508.664)
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(535.544.208)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***18.283.397.498***	***157.323.304.328***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(200.400.000)	(65.364.815.178)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	10.333.322.269
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(13.269.749.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.884.749.000	13.145.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.168.266.665	422.382.779
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***2.852.615.665***	***(54.733.859.130)***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		-	52.324.189.072
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(50.123.998.410)	(120.183.493.273)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(50.123.998.410)***	***(67.859.304.201)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(28.987.985.247)**	**34.730.140.997**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**61.206.792.605**	**26.476.651.608**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**32.218.807.358**	**61.206.792.605**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Vân Anh	Đoàn Thị Giao Thuyết	Phạm Hoàng Hiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 lần đầu ngày 21/4/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020 là 600.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng)*.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán BSG.

Tên Công ty ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON PASSENGER TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: SATRANCO.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 477 người (tại ngày 31/12/2020 là 1.009 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móoc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất lượng sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất, Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ tháng 07 đến tháng 09 năm 2021, địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận phía nam bắt đầu áp dụng giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, tạm dừng các hoạt động không thiết yếu và tạm dừng hoạt động vận chuyển hành khách công cộng (đường bộ, đường thủy nội địa) trừ một số trường hợp được phép hoạt động theo hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh. So với năm 2021, Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty có sự sụt giảm mạnh, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 giảm 117,2 tỷ VND so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước.

1.6 Cấu trúc Công ty

Công ty có 7 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm:

STT	Tên xí nghiệp	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Dịch vụ Sửa chửa Ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
2	Xí nghiệp Vận tải và Du lịch	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
3	Trung tâm sát hạch lái xe Tân Bình	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
4	Trung tâm dạy nghề Saigonbus	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
5	Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Buýt số 1	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TP. Hồ Chí Minh – 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
6	Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Buýt số 2	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
7	Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Buýt số 3	Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
8	Phòng Tổng hợp Cửa hàng xăng dầu	Số 500 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
9	Phòng Tổng hợp - Xưởng dịch vụ	Số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2021, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn với số tiền 80.540.779.320 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 64.485.400.549 VND và lưu chuyển tiền thuần trong năm âm 28.987.985.247 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tới của Công ty sẽ phụ thuộc vào khả năng tạo ra dòng tiền và sự gia hạn cho các khoản vay và các khoản phải trả nhà cung cấp đến hạn hiện có của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và gia hạn nợ để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng số 3012/1428-PL ngày 30/12/2021 của Hợp đồng số 1428/2019/SGB-MITACO-GIADICO với liên danh Công ty cổ phần Xe khách và Dịch vụ miền Tây - Công ty cổ phần Thương mại ô tô Gia Định, gia hạn khoản nợ thanh toán tiền mua xe buýt sử dụng khí thiên nhiên CNG, trả từng tháng và đến tháng 01/2025;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Giả định về khả năng hoạt động liên tục (Tiếp theo)

- Ban Điều hành Công ty đã gửi Công văn số 558/SGB-TCKT ngày 23/6/2021 đến Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn đề nghị gia hạn thời gian thanh toán công nợ mua nhiên liệu do ảnh hưởng của dịch COVID-19;
- Triển khai và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tối đa khi thành phố Hồ Chí Minh gỡ bỏ phong tỏa.

Ban Điều hành đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và các khoản vay đến hạn. Ban Điều hành tin tưởng rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm ngày 30/6/2015. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20
Dụng cụ quản lý	05 - 20
Tài sản cố định khác	05 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 07 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Do Công ty chưa ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hồ Chí Minh nên chưa xác định thời gian phân bổ tiền thuê đất trả trước.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 7025/QĐ- UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay: Trích trước theo gốc vay, thời gian và lãi suất hợp đồng vay.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Hàng kỳ, Công ty tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với sản lượng xăng thực tế bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Tại ngày 31/12/2021, lợi nhuận sau thuế của Công ty bị lỗ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu vận chuyển thực tế theo hợp đồng đặt hàng và doanh thu trợ giá.

Doanh thu vận chuyển thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng = Doanh thu/chuyến * Tổng số chuyến thực tế.

Doanh thu trợ giá đang được ghi nhận theo chênh lệch của chi phí thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng trừ đi doanh thu vận chuyển trên hợp đồng đặt hàng.

Doanh thu/chuyến = Doanh thu bình quân/hành khách (Đơn giá theo hợp đồng đặt hàng) *Số lượng hành khách/chuyến thực tế

Chi phí thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng = Chi phí/chuyến (Đơn giá theo hợp đồng đặt hàng) * Tổng số chuyến thực tế.

Chi phí/chuyến = Chi phí/chuyến tính theo đơn giá nhiên liệu theo quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 28/6/2020 có điều chỉnh giá nhiên liệu, trừ chi phí khấu hao (đối với tuyến sử dụng xe trên 10 năm) và chi phí tiếp viên/chuyến (đối với tuyến không bố trí tiếp viên).

Số lượng hành khách/chuyến và Tổng số chuyến thực tế căn cứ theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện mỗi tháng với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng.

Doanh thu bình quân/hành khách và Chi phí/chuyến tạm tính theo hợp đồng đặt hàng hàng năm với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng và sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày 31/12 hàng năm.

Lãi tiền gửi, thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	64.197.411	1.614.049.974
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.154.609.947	9.120.395.961
Các khoản tương đương tiền (i)	30.000.000.000	50.472.346.670
Tổng	**32.218.807.358**	**61.206.792.605**

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành theo các hợp đồng tiền gửi với lãi suất 3,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	500.000.000	500.000.000	2.384.749.000	2.384.749.000
Tổng	500.000.000	500.000.000	2.384.749.000	2.384.749.000

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền 500.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tiền gửi số 687/2016/HĐTG ngày 21/11/2016, lãi suất tiền gửi 4,9%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng (i)	15.367.269.544	27.878.573.821
Công ty TNHH GB Hà Nội (ii)	6.180.000.000	6.180.000.000
Công ty TNHH Jones Lang Lasalle (Việt Nam)	2.775.355.829	2.587.668.652
Các khách hàng khác	8.895.310.709	7.063.638.044
Tổng	**33.217.936.082**	**43.709.880.517**
Trong đó: Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan *(Chi tiết tại thuyết minh số 7.4)*	***144.721.000***	***436.735.932***

(i) Các khoản phải thu của Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt và vé tập, khoản phải thu này mới quyết toán đến năm 2013. Ngoài ra các hợp đồng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý giao thông công cộng chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

(ii) Khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng 4 xe ô tô cho Công ty TNHH GB Hà Nội đang có tranh chấp (chi tiết tại Thuyết minh số 7.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**23.247.187.268**	**(171.220.900)**	**22.756.803.832**	**(129.244.900)**
Tạm ứng	5.999.860.446	(31.300.900)	4.830.926.300	(31.300.900)
Ký cược, ký quỹ	985.548.804	(139.920.000)	1.038.405.922	(97.944.000)
Phải thu Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng - Tiền phạt mất chuyến (i)	6.484.700.000	-	6.484.700.000	-
Phải thu Ngân sách Nhà nước - Dự án 39 Hải Thượng Lãn Ông tiền lãi hỗ trợ (ii)	9.018.758.070	-	9.018.758.070	-
Các khoản hỗ trợ lãi vay đầu tư xe bus của ngân sách nhà nước	614.791.052	-	1.261.196.885	-
Phải thu về lãi tiền gửi	42.278.859	-	27.113.318	-
Phải thu khác	101.250.037	-	95.703.337	-
Dài hạn	-	-	**145.650.000**	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	145.650.000	-
Tổng	**23.247.187.268**	**(171.220.900)**	**22.902.453.832**	**(129.244.900)**

(i) Khoản phạt mất chuyến được giảm và phải thu lại của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng.

(ii) Đây là khoản phải thu ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán dự án "Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc của Công ty" (dự án sử dụng ngân sách Nhà nước) được duyệt theo quyết định số 3064/QĐ-UBND.TPHCM ngày 14/6/2016 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

5.5 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sài Gòn Bay	243.025.000	-	243.025.000	-
Angkor Caravan Trading & Investment Co.,Ltd	139.920.000	-	139.920.000	41.976.000
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	33.100.900	-	33.100.900	1.800.000
Các đối tượng khác	254.839.730	-	254.839.730	16.932.909
Tổng	**670.885.630**	-	**670.885.630**	**60.708.909**

Trong đó:

	Quá hạn trên 3 nămVND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sài Gòn Bay	243.025.000
Angkor Caravan Trading & Investment Co.,Ltd	139.920.000
Các đối tượng khác	287.940.630
Tổng	**670.885.630**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.900.848.910	-	3.890.529.255	-
Công cụ, dụng cụ	80.642.923	-	54.690.643	-
Hàng hóa	446.415.918	-	665.570.463	-
Hàng gửi bán	1.200.274.354	-	1.200.274.354	-
Tổng	**5.628.182.105**	-	**5.811.064.715**	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**4.602.974.867**	**4.130.647.712**
Chi phí giải tỏa Covid 19 chờ phân bổ (i)	3.388.113.898	2.392.618.515
Chi phí bảo hiểm xe	871.184.059	1.391.426.643
Phí đường bộ, đăng kiểm	-	13.474.780
Các chi phí trả trước khác	343.676.910	333.127.774
Dài hạn	**12.531.819.029**	**16.668.157.539**
Chi phí bình điện	6.586.727	445.004.697
Lợi thế kinh doanh (ii)	2.731.589.463	3.322.203.394
Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ (iii)	8.944.963.213	8.944.963.213
Chi phí sửa chữa	345.171.954	932.379.414
Chi phí cải tạo văn phòng, bãi xe	260.730.278	585.454.645
Chi phí vỏ ruột	4.245.089	1.051.218.056
Máy in vé trên xe buýt	71.388.579	936.725.276
Chi phí máy móc, công cụ quản lý	165.735.709	364.834.394
Chi phí đèn led trên xe buýt	-	10.624.999
Chi phí khác	1.408.017	74.749.451
Tổng	**17.134.793.896**	**20.798.805.251**

(i) Chi phí lương tài xế và nhiên liệu giải tỏa COVID 19 sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi quyết toán được giá trị với Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện cổ phần hóa Công ty theo các quy định về Cổ phần hóa của Nhà nước và được phân bổ 10 năm kể từ thời điểm chuyển thành công ty cổ phần ngày 19/8/2016.

(iii) Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ được ghi nhận theo Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty. Khi ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ tiến hành phân bổ giá trị tiền thuê đất trên theo thời gian thuê thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	**127.139.459.921**	**6.642.556.841**	**901.472.826.248**	**11.867.215.603**	1.627.282.435	**1.048.749.341.048**
Tăng trong năm	-	**200.400.000**	-	-	-	**200.400.000**
Mua trong năm	-	200.400.000	-	-	-	200.400.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	**127.139.459.921**	**6.842.956.841**	**901.472.826.248**	**11.867.215.603**	1.627.282.435	**1.048.949.741.048**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	**60.373.895.897**	**5.333.440.389**	**451.838.424.489**	**10.021.378.475**	1.323.719.410	**528.890.858.660**
Tăng trong năm	**4.207.732.189**	**194.453.419**	**68.921.955.635**	**724.300.527**	46.286.741	**74.094.728.511**
Khấu hao trong năm	4.207.732.189	194.453.419	68.921.955.635	724.300.527	46.286.741	74.094.728.511
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	**64.581.628.086**	**5.527.893.808**	**520.760.380.124**	**10.745.679.002**	1.370.006.151	**602.985.587.171**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	**66.765.564.024**	**1.309.116.452**	**449.634.401.759**	**1.845.837.128**	303.563.025	**519.858.482.388**
Tại ngày 31/12/2021	**62.557.831.835**	**1.315.063.033**	**380.712.446.124**	**1.121.536.601**	257.276.284	**445.964.153.877**

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 với giá trị là 204.043.807.791 VND (tại ngày 31/12/2020 là 200.051.217.241 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2021 với giá trị là 202.132.771.331 VND (tại ngày 31/12/2020 là 242.147.643.505 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.593.521.250	2.593.521.250
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	**2.593.521.250**	**2.593.521.250**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	**614.268.461**	**614.268.461**
Tăng trong năm	**415.127.856**	**415.127.856**
Khấu hao trong năm	415.127.856	415.127.856
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	**1.029.396.317**	**1.029.396.317**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	**1.979.252.789**	**1.979.252.789**
Tại ngày 31/12/2021	**1.564.124.933**	**1.564.124.933**

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi xây dựng cơ bản dở dang	**664.083.636**	**664.083.636**
Dự án bãi xe cao tầng số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh (i)	664.083.636	664.083.636
Tổng	**664.083.636**	**664.083.636**

(i) Dự án đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ quy hoạch. Khi nhận được phản hồi của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	116.955.066.972	116.955.066.972	112.948.139.511	112.948.139.511
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Gia Định	20.150.750.000	20.150.750.000	26.350.750.000	26.350.750.000
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	11.466.000.000	11.466.000.000	11.466.000.000	11.466.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	55.835.953.922	55.835.953.922	47.509.243.392	47.509.243.392
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	9.155.489.161	9.155.489.161	10.421.187.823	10.421.187.823
Các nhà cung cấp khác	20.346.873.889	20.346.873.889	17.200.958.296	17.200.958.296
Dài hạn	**56.009.000.000**	**56.009.000.000**	**55.181.000.000**	**55.181.000.000**
Công ty Cổ phần Thương mại Ô Tô Gia Định	38.810.000.000	38.810.000.000	34.160.000.000	34.160.000.000
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch Vụ Miền Tây	17.199.000.000	17.199.000.000	21.021.000.000	21.021.000.000
Tổng	**172.964.066.972**	**172.964.066.972**	**168.129.139.511**	**168.129.139.511**
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan *(Chi tiết tại thuyết minh số 7.4)*	***37.837.229.161***	***37.837.229.161***	***42.950.225.323***	***42.950.225.323***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	**13.725.683.237**	31.490.803.163	33.053.675.498	12.162.810.902
Thuế GTGT	1.010.342.837	5.874.492.378	5.794.945.361	1.089.889.854
Thuế tài nguyên	456.320	5.372.800	5.372.800	456.320
Thuế thu nhập cá nhân	-	685.932.457	671.698.633	14.233.824
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	9.306.067.780	24.916.005.528	26.572.658.704	7.649.414.604
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	3.408.816.300	9.000.000	9.000.000	3.408.816.300
Phải thu	**5.130.801.175**	**115.052.651**	-	**5.015.748.524**
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	960.116.433	-	-	960.116.433
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	115.052.651	115.052.651	-	-
Phải thu Nhà nước khác (ii)	4.055.632.091	-	-	4.055.632.091

(i) Số phải trả được ghi nhận theo Báo cáo Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước khi thực hiện cổ phần hóa và sẽ được nộp vào Ngân sách Nhà nước khi Công ty nhận được khoản tiền thanh toán số còn lại về quyết toán vốn ngân sách đầu tư "Dự án xây dựng văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn" từ Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 5.4).

(ii) Đây là số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trên sổ sách kế toán tại ngày 31/12/2021, Công ty sẽ thực hiện kê khai và khấu trừ thuế khi thanh toán tiền.

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay	29.141.830	65.277.678
Các khoản khác	-	40.321.964
Tổng	**29.141.830**	**105.599.642**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	**5.867.533.659**	**5.503.308.953**
Kinh phí công đoàn	472.276.360	-
Bảo hiểm xã hội	1.607.519.550	1.174.028.675
Bảo hiểm y tế	401.170	-
Bảo hiểm thất nghiệp	16.440.282	70.420.960
Tiền đồng phục phải trả	110.780.000	111.879.080
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	793.003.276	735.729.466
Phải trả về cổ phần hóa	-	422.565.298
Phải trả về nhận ứng trước chi phí các xe vận chuyển hành khách phục vụ phòng chống dịch COVID 19	2.600.000.000	2.600.000.000
Bảo hiểm bồi thường tai nạn	45.812.298	30.112.298
Thù lao thành viên chủ chốt	70.070.000	70.070.000
Phải trả trung tâm sát hạch lái xe	-	226.790.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	151.230.723	61.713.176
Dài hạn	**797.221.672**	**601.440.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	797.221.672	601.440.000
Tổng	**6.664.755.331**	**6.104.748.953**
Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan *(chi tiết xem thuyết minh 7.4)*	***2.600.000.000***	***3.022.565.298***

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	-	**9.867.202.540**	9.867.202.540	**9.867.202.540**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm	-	-	-	9.867.202.540	9.867.202.540	9.867.202.540
Nợ dài hạn đến hạn trả	**35.083.051.095**	**35.083.051.095**	**32.063.745.452**	**40.256.795.870**	43.276.101.513	**43.276.101.513**
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP . Hồ Chí Minh [1]	13.822.505.643	13.822.505.643	10.803.200.000	7.783.894.357	10.803.200.000	10.803.200.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm [2]	3.600.000.000	3.600.000.000	3.600.000.000	14.400.000.000	14.400.000.000	14.400.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng [3]	9.896.545.452	9.896.545.452	9.896.545.452	10.308.901.513	10.308.901.513	10.308.901.513
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng [4]	7.764.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000
Vay dài hạn	**42.260.945.469**	**42.260.945.469**	-	**32.063.745.452**	74.324.690.921	**74.324.690.921**
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP . Hồ Chí Minh [1]	12.274.300.000	12.274.300.000	-	10.803.200.000	23.077.500.000	23.077.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm [2]	2.627.400.000	2.627.400.000	-	3.600.000.000	6.227.400.000	6.227.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng [3]	9.896.545.469	9.896.545.469	-	9.896.545.452	19.793.090.921	19.793.090.921
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng [4]	17.462.700.000	17.462.700.000	-	7.764.000.000	25.226.700.000	25.226.700.000
Tổng	**77.343.996.564**	**77.343.996.564**	**32.063.745.452**	**82.187.743.862**	127.467.994.974	**127.467.994.974**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[1] Vay Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay sau:

[1.1] Hợp đồng vay số 88/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 17/7/2016:

- Mục đích vay: Thực hiện Giai đoạn 2 "Dự án thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại TP. Hồ Chí Minh, 29 xe buýt CNG".
- Hạn mức cho vay: 55.825.000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư giai đoạn 2 của dự án.
- Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2016 là 8,675% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/7, ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 10 tháng (loại trả lãi sau) của 04 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản hình thành từ dự án là 29 xe buýt CNG. Toàn bộ nguồn thu từ dự án, trợ giá, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà nước.
- Số dư tại ngày 31/12/2021 là: 21.371.500.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 10.735.000.000 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 10.636.500.000 VND.

[1.2] Hợp đồng vay số 136/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 23/9/2016:

- Mục đích vay: Đầu tư 17 xe buýt sử dụng nhiên liệu DIESEL loại 40 chỗ " đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng" thuộc dự án số 717A/QĐ-XKSG ngày 18/5/2016.
- Hạn mức cho vay: 14.375.200.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư "Đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng".
- Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2016 là 8,675% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/7, ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 10 tháng (loại trả lãi sau) của 04 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản hình thành từ dự án là 17 xe buýt sử dụng nhiên liệu DIESEL. Toàn bộ nguồn thu từ dự án, trợ giá, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà nước tại Ngân hàng PVCombank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- Số dư tại ngày 31/12/2021 là: 4.725.305.643 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 3.087.505.643 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 1.637.800.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[2] Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng vay số 290/2016-HDTDDA/NHCT903-SATRANCO ngày 30/11/2016:

- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý tài sản cố định là xe buýt hiệu SAMCO Bus B47 và SAMCO Bus B30.
- Hạn mức cho vay: 80.627.400.000 VND.
- Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất: Lãi suất lãi vay thả nổi. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,02%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh một tháng 1 lần. Lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của 4 Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2.34%/năm.
- Hình thức đảm bảo: Đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có là 87 xe buýt SAMCO.
- Số dư tại ngày 31/12/2021 là: 6.227.400.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 3.600.000.000 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 2.627.400.000 VND.

[3] Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0071/KHDN/16DH ngày 07/12/2016:

- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định là xe buýt hiệu SAMCO Bus B47 thuộc "dự án đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt". Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán vượt phần vốn còn phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án.
- Hạn mức cho vay: 76.203.400.000 VND nhưng không được quá 65,5% tổng mức đầu tư của dự án (chưa gồm VAT).
- Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất: Áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lại sau bình quân của 4 Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2.34%/năm.
- Hình thức đảm bảo: 79 phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty.
- Số dư tại ngày 31/12/2021 là: 19.793.090.921 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 9.896.545.452 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 9.896.545.469 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[4] Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0008/DADT-KNDN/18 ngày 15/03/2018:

- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án thay đổi xe buýt mới trên tuyến xe buýt Bến xe quận 8 - Bến xe Miền Đông và Bến xe Miền Tây - Gò Vấp.
- Hạn mức cho vay: 54.342.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư (đã bao gồm VAT).
- Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất: Áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lại sau bình quân của 4 Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2.34%/năm.
- Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản là: 34 xe ô tô khách thành phố mới 100%, nhãn hiệu SAMCO CITY 1.51 CNG và 5 xe ô tô khách thành phố mới 100%, nhãn hiệu SAMCO CITY H68 CNG lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2017.
- Số dư tại ngày 31/12/2021 là: 25.226.700.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 7.764.000.000 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 17.462.700.000 VND.

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	**600.000.000.000**	**(202.791.505.345)**	**9.018.758.070**	**406.227.252.725**
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	**51.606.859.092**	**9.018.758.070**	**60.625.617.162**
Lỗ trong năm	-	49.534.642.167	-	49.534.642.167
Điều chỉnh khoản phải nộp Ngân sách nhà nước theo Kiểm toán nhà nước	-	-	9.018.758.070	9.018.758.070
Điều chỉnh tiền thuê đất và thuế TNDN theo Kiểm toán nhà nước	-	2.072.216.925	-	2.072.216.925
Số dư tại ngày 31/12/2020	**600.000.000.000**	**(254.398.364.437)**	-	**345.601.635.563**
Số dư tại ngày 01/01/2021	**600.000.000.000**	**(254.398.364.437)**	-	**345.601.635.563**
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	**64.485.400.549**	-	**64.485.400.549**
Lỗ trong năm	-	64.485.400.549		64.485.400.549
Số dư tại ngày 31/12/2021	**600.000.000.000**	**(318.883.764.986)**	-	**281.116.235.014**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	49,00%	29.400.000	294.000.000.000	49,00%	29.400.000	294.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	24,05%	14.427.400	144.274.000.000	24,05%	14.427.400	144.274.000.000
Ông Phạm Anh Hưng	15,00%	9.000.000	90.000.000.000	15,00%	9.000.000	90.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	7,50%	4.500.000	45.000.000.000	7,50%	4.500.000	45.000.000.000
Các cổ đông khác	4,45%	2.672.600	26.726.000.000	4,45%	2.672.600	26.726.000.000
Tổng	**100%**	**60.000.000**	**600.000.000.000**	**100%**	**60.000.000**	**600.000.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	**600.000.000.000**	**600.000.000.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	**600.000.000.000**	**600.000.000.000**
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**60.000.000**	**60.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**60.000.000**	**60.000.000**
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng	24.338.121.870	34.183.174.316
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	256.858.453.755	364.252.463.431
Tổng	**281.196.575.625**	**398.435.637.747**
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan (Chi tiết xem thuyết minh 7.4)	***1.137.019.892***	***1.577.321.068***

(i) Công ty ghi nhận Doanh thu trợ giá buýt từ Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng theo đơn giá quy định tại hợp đồng đặt hàng số 178/HĐ-TT ngày 07/6/2021. Doanh thu trợ giá mới quyết toán đến năm 2013. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.980.420.337	33.997.569.963
Giá vốn cung cấp dịch vụ	243.911.547.919	325.719.236.599
Tổng	**267.891.968.256**	**359.716.806.562**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.168.266.665	412.833.010
Tổng	**1.168.266.665**	**412.833.010**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	4.691.186.382	6.870.460.531
Lãi trả chậm	91.758.333	2.041.468.474
Tổng	**4.782.944.715**	**8.911.929.005**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí bảo dưỡng, lưu kho xăng dầu, chi phí bán hàng khác	46.604.616	118.004.492
Tổng	46.604.616	118.004.492

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.230.759.500	32.821.783.860
Chi phí vật liệu quản lý	146.639.212	364.662.373
Chi phí đồ dùng văn phòng	794.282.621	1.694.481.231
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.905.565.762	4.904.423.256
Thuế phí và lệ phí	31.289.292.050	29.783.908.155
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	60.708.909	(182.846.894)
Chi phí trợ cấp thôi việc	-	2.281.305.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.158.334.957	7.942.043.701
Tổng	**49.585.583.011**	**79.609.760.682**

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	**1.140.936.398**	**5.812.486.986**
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	4.299.743.483
Tiền điện, nước cho thuê tài sản	716.451.115	1.229.705.934
Các khoản khác	424.485.283	283.037.569
Chi phí khác	**25.684.078.639**	**5.733.457.845**
Tiền điện nước thu cho thuê tài sản	809.989.583	1.108.857.329
Phân bổ lợi thế kinh doanh	590.613.936	590.613.937
Các khoản phạt chậm nộp thuế, lãi chậm nộp tiền thuê	1.203.407.755	186.680.633
Phạt trợ giá trung tâm	-	3.347.840.693
Chi phí khấu hao trong thời gian tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19	22.971.226.854	-
Các khoản khác	108.840.511	499.465.253
Lợi nhuận khác	**(24.543.142.241)**	**79.029.141**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**(64.485.400.549)**	**(49.429.000.843)**
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	***1.767.011.026***	***503.982.988***
Các khoản chi không được trừ	*1.611.611.921*	*503.982.988*
Chi phí lãi vay bị loại	*155.399.105*	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	**(62.718.389.523)**	**(48.925.017.855)**
Thu nhập tính thuế	***(62.718.389.523)***	***(48.925.017.855)***
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	105.641.324
Thuế TNDN hiện hành	**-**	**105.641.324**

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(64.485.400.549)	(49.534.642.167)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(64.485.400.549)	(49.534.642.167)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	60.000.000	60.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**(1.075)**	**(826)**

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.302.924.528	81.724.664.519
Chi phí nhân công	90.115.447.765	159.218.115.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.538.629.513	73.086.094.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.029.813.759	46.033.109.579
Chi phí khác bằng tiền	34.374.040.862	35.334.657.212
Tổng	**294.360.856.427**	**395.396.641.497**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết

Căn cứ vào các hợp đồng thuê đất của Công ty, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	4.890.060.166	6.940.641.416
Từ trên 1 năm đến dưới 5 năm	3.805.347.840	3.805.347.840
Trên 5 năm	37.736.366.080	38.608.424.960
Tổng	**46.431.774.086**	**49.354.414.216**

Chi tiết các khoản thanh toán nêu trên bao gồm:

Tổng số tiền thuê 774,2 m2 đất tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 1.228.800 VND/m2/năm theo hợp đồng thuê số 3744/HĐ-STNMT-QLĐ thời hạn 50 năm tính từ ngày 19/8/2016.

Tổng tiền thuê 27.476,9 m2 đất tại 01 Phạm Hồng Thái, phường 02, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.311,8 m2 đất là đất thương mại, dịch vụ, cửa hàng mua bán và diện tích 712,8 m2 là đất trạm nạp khí, trạm xăng dầu với giá thuê lần lượt là 675.488 VND/m2/năm và 298.637 VND/m2/năm theo hợp đồng thuê số 10134/HĐ-STNMT-QLĐ ký ngày 22/10/2018.

Tổng tiền thuê 6.879,5 m2 đất tại 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 255 m2 đất là đất thương mại, dịch vụ và diện tích 6.624,5 m2 là đất bến bãi đậu xe buýt với giá thuê lần lượt là 882.816 VND/m2/năm và 292.723 VND/m2/năm theo hợp đồng thuê số 3743/HĐ-STNMT-QLĐ ký ngày 19/5/2019.

7.2 Thông tin về tranh chấp hợp đồng

Theo Thông báo số 43/2020/TB-TLVA ngày 09/01/2020 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/TLSV-KDTM về tranh chấp hợp đồng mua bán xe ô tô do Công ty là nguyên đơn. Theo thông báo này, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Yêu cầu Tòa án căn cứ Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy các Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an thành phố Hà Nội đã cấp cho Công ty TNHH GB Hà Nội gồm 04 xe mang biển số 29B.60317; 29B 60514; 29B60611; 29B60539.

- Yêu cầu Tòa án căn cứ Điều 124 khoản 2, Điều 407 Bộ luật Dân sự: Tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng thế chấp tài sản; Hợp đồng đăng ký giao dịch bảo đảm đối với 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loai 47 ghế ngồi với biển số: 29B.60317; 29B 60514; 29B60611; 29B60539.

- Tuyên xử chấm dứt Hợp đồng mua bán xe ô tô số 751/HĐMB-SGB-GB-2015 ký ngày 11/5/2015 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 09/3/2016 giữa Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn và Công ty TNHH GB Hà Nội đối với 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi có số khung: 246AG000041, 246AG000042, 246AG000043, 246AG000044 do các bên chưa thanh toán giao nhận tiền, tài sản chưa được các bên giao nhận.

- Công nhận quyền sở hữu 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi có số khung: 246AG000041, 246AG000042, 246AG000043, 246AG000044 thuộc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn và Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tiếp tục thực hiện quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Do Tòa án đang trong quá trình thụ lý hồ sơ, Công ty chưa thể lượng hóa chính xác các quyền và nghĩa vụ của Công ty để tiến hành ghi nhận Tài sản và Công nợ, đồng thời chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu Công ty TNHH GB Hà Nội trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày 01/01/2022, tình hình dịch bệnh COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp tại Việt Nam và tại các quốc gia trên thế giới, sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

7.4 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Thù lao của Hội đồng Quản trị

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	-
Ông Kiều Nam Thành	Nguyên Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hồng Anh	Nguyên Chủ tịch	-	48.000.000
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên	72.000.000	54.000.000
Ông Trần Long	Thành viên	36.000.000	-
Ông Trần Lâm	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Bùi Đức Thọ	Nguyên Thành viên	36.000.000	72.000.000
Ông Đoàn Minh Tâm	Nguyên Thành viên	-	18.000.000
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thư ký Hội đồng Quản trị	45.000.000	-
Ông Lê Phan Minh Hiếu	Người phụ trách quản trị	45.000.000	-
Bà Phạm Thị Lệ Thu	Thư ký Hội đồng Quản trị	9.000.000	36.000.000
Tổng		**627.000.000**	**564.000.000**

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng ban	300.000.000	300.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	30.000.000	-
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Thành viên	30.000.000	-
Bà Huỳnh Thị Hạnh	Nguyên Thành viên	-	30.000.000
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Nguyên Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Kim Hòa	Nguyên Thành viên	30.000.000	60.000.000
Tổng		**420.000.000**	**420.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Lương và các lợi ích khác Ban Điều hành, Kế toán trưởng

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc	492.687.500	450.000.000
Ông Đoàn Minh Tâm	Nguyên Tổng Giám đốc	-	135.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc	438.000.000	520.000.000
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc	438.000.000	520.000.000
Ông Nìm Vuồn Phu	Phó Tổng Giám đốc	438.000.000	520.000.000
Ông Bùi Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	270.833.333	-
Ông Vũ Duy Anh	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	114.181.818
Bà Phạm Thị Lệ Thu	Nguyên kế toán trưởng	-	210.000.000
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Kế toán trưởng	292.166.667	245.000.000
Tổng		**2.369.687.500**	**2.714.181.818**

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.137.019.892	1.574.593.795
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng tập đoàn SAMCO	Cung cấp dịch vụ	-	2.727.273
Tổng			**1.137.019.892**	**1.577.321.068**
Mua hàng và thuê dịch vụ				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ	Mua hàng hóa, dịch vụ	217.072.461	398.524.143
		Thuê dịch vụ bến bãi	223.893.636	-
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng tập đoàn SAMCO	Thuê dịch vụ bến bãi	227.752.157	361.419.320
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Công ty cùng tập đoàn SAMCO	Thuê dịch vụ bến bãi	144.741.590	191.038.180
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn SAMCO	Thuê dịch vụ bến bãi	272.778.173	246.979.403
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng tập đoàn SAMCO	Mua tài sản cố định	-	2.074.278.182
		Mua hàng hóa dịch vụ	37.665.400	42.801.095
Tổng			**1.123.903.417**	**3.315.040.323**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các giao dịch khác				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ	Thu tạm ứng chi phí vận chuyển hành khách phục vụ phòng chống COVID-19	-	2.600.000.000
		Lãi trả chậm	91.758.333	182.056.440
Tổng			**91.758.333**	**2.782.056.440**

Số dư bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% VĐL	144.721.000	436.735.932
Tổng		**144.721.000**	**436.735.932**
Phải trả khác			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% VĐL	2.600.000.000	3.022.565.298
Tổng		**2.600.000.000**	**3.022.565.298**
Phải trả người bán			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% VĐL	9.155.489.161	10.421.187.823
Công ty cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng tập đoàn SAMCO	28.665.000.000	32.487.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng tập đoàn SAMCO	16.740.000	42.037.500
Tổng		**37.837.229.161**	**42.950.225.323**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Vân Anh	Đoàn Thị Giao Thuyết	Phạm Hoàng Hiệp

SaigonBus

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

PHẠM HOÀNG HIỆP